KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học ……..

CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC

TÊN BÀI DẠY: HỆ ĐIỀU HÀNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của các hệ điều hành thông dụng cho PC.
- Chỉ ra được một số đặc điểm của hệ điều hành cho thiết bị di động.
- Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng như vai trò của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi của bài học.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ trong phiếu học tập giáo viên đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh phân biệt được các hệ điều hành

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11, giáo án.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: Giáo viên nêu ra vấn đề, học sinh lắng nghe

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên trình bày vấn đề*: Khi chưa có hệ điều hành, con người phải can thiệp vào hầu hết quá Trình hoạt động của máy tính nên hiệu quả khai thác sử dụng máy tính rất thấp. Sự ra đời của hệ điều hành đã giúp khắc phục được tình trạng đó. Vậy lịch sử phát triển hệ điều hành như thế nào? Đặc điểm của hệ điều hành cho thiết bị di động là gì? Chúng ta cùng đến với bài 1.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Lịch sử phát triển của hệ điều hành máy tính cá nhân

a) Mục tiêu: Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của các hệ điều hành thông dụng cho PC.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ ***NV1*** - GV cho HS bắt cặp, đọc thông tin ở mục 1 và thảo luận, trả lời câu hỏi:	**1. Lịch sử phát triển của hệ điều hành máy tính cá nhân** Các hệ điều hành máy tính cá nhân phát triển theo

+ Nêu các nhóm chức năng chính của hệ điều hành. *+ Theo em, nhóm chức năng nào thể hiện rõ nhất đặc thù của hệ điều hành máy tính cá nhân?* *+ Nêu các đặc điểm cơ bản của hệ điều hành máy tính cá nhân.* ***NV2*** - GV cho HS đọc thầm thông tin ở mục 1 phần kiến thức mới sgk và yêu cầu HS rút ra kết luận: *+ Bước phát triển quan trọng của hệ điều hành máy tính cá nhân là bước nào?* *+ Vai trò cơ chế plug & play là gì?* *+ Ban đầu hệ điều hành máy tính cá nhân sử dụng giao diện gì?* *+ Đặc điểm nào chứng tỏ hệ điều hành máy tính cá nhân phát triển theo hướng ngày càng dễ sử dụng?* - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: GV tổ chức báo cáo và thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả hoạt động 1.	hướng ngày càng dễ sử dụng, thể hiện ở các điểm sau: - Giao diện thân thiện, từ giao diện dòng lệnh sang giao diện đồ họa và tích hợp với nhận dạng tiếng nói. - Khả năng nhận biết các thiết bị ngoại vi với cơ chế plug & play giúp người sử dụng không cần quan tâm tới trình điều khiển của thiết bị ngoại vi. - Các hệ điều hành thông dụng nhất trên máy tính cá nhân là MacOS trên dòng máy MAC và Windows trên dòng máy PC. Đặc biệt Linux và các biến thể của nó như RedHat, Suse hay Ubuntu là hệ điều hành nguồn mở, mang đến cho người dùng các hệ điều hành mạnh mẽ, tin cậy và chi phí thấp. **a. Hệ điều hành Windows** Các phiên bản quan trọng, đánh dấu mốc phát triển của Windows:

- HS rút ra lịch sử phát triển các hệ điều hành. **Bước 4: Kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Phiên bản 1 của Windows (1985). - Phiên bản 3 (1990). - Windows 95 (1995). - Win XP (2001). - Windows 7 (2009), Windows 8 (2012), Windows 10 (2015), Windows 11 (2021) **b. Hệ điều hành LINUX và các phiên bản** - Có nguồn gốc từ UNOX - LINUX 1.0 (1994) dưới dạng mã nguồn mở. - LINUX dùng cho máy tính cá nhân, máy chủ và các thiết bị nhúng.

Hoạt động 2.2: Hệ điều hành cho thiết bị di động

a) Mục tiêu: Chỉ ra được một số đặc điểm của hệ điều hành cho thiết bị di động.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ ***NV1***	**2. Hệ điều hành cho thiết bị di động** - Một số khác biệt của hệ

- GV cho HS bắt cặp, đọc thông tin ở mục 2 và thảo luận, trả lời câu hỏi: *+ Chỉ ra điểm khác biệt của hệ điều hành cho thiết bị di động so với hệ điều hành cho máy cá nhân?* - GV trình bày bảng 1.1 sgk/8 ***NV2*** - GV đưa ra câu hỏi để HS trả lời: *+ Vì sao hệ điều hành di động ưu tiên cao cho giao tiếp thân thiện và kết nối mạng di động?* *+ Kể tên ba tiện ích thường có trên thiết bị di động và chức năng của nó.* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: GV tổ chức báo cáo và thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả thảo luận. - HS rút ra điểm khác biệt của hệ điều hành cho thiết bị di động so với hệ điều hành cho máy cá nhân. **Bước 4: Kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	điều hành cho thiết bị di động so với hệ điều hành cho máy cá nhân: + Giao diện đặc biệt thân thiện nhờ nhận dạng hành i của người dùng thông qua các cảm biến. + Dễ dàng kết nối mạng di động. + Nhiều tiện ích hỗ trợ cá nhân - Hai hệ điều hành phổ biến cho thiết bị di động là iOS của Apple và Android của Google.

Hoạt động 2.3: Quan hệ giữa hệ điều hành, phần cứng và phần mềm ứng dụng

a) Mục tiêu: Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng như vai trò của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ - GV cho HS bắt cặp, đọc thông tin ở mục 3 và thảo luận, trả lời câu hỏi: *+ Có hay không trường hợp phần mềm chạy trên một thiết bị không có hiệu điều hành? Khi nào cần có hệ điều hành?* *+ Trước khi có máy tính, chưa có hệ điều điều hành, người sử dụng nạp chương trình như thế nào?* - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: GV tổ chức báo cáo và thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả thảo luận. - HS rút ra mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng như vai trò của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ	**3. Quan hệ giữa hệ điều hành, phần cứng và phần mềm ứng dụng** Hệ điều hành là môi trường để phần mềm ứng dụng khai thác hiệu quả phần cứng.

thống. **Bước 4: Kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi, thảo luận, hoàn thành bài tập sau:

Bài 1. *Em hiểu thế nào là tính thân thiện của hệ điều hành?*

Bài 2. *Hệ điều hành cung cấp môi trường giao tiếp với người sử dụng như thế nào? Môi trường giao tiếp đó thể hiện như thế trên hệ điều hành Windows?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.
- GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Bài 1. *Em hãy tìm hiểu xem ngoài máy tính còn có thiết bị điện gia dụng nào sử dụng hệ điều hành không.*

Bài 2*.Thực ra,Linux là hệ điều hành có nguồn gốc từ hệ điều hành UNIX. Hãy tìm hiểu lịch sử của hệ điều hành Linux để biết thêm về hệ điều hành UNIX.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.
- GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau:

+ Nhóm 1: Em hãy trình bày các phiên bản quan trọng, đánh dấu mốc phát triển của Windows.

+ Nhóm 2: Em hãy trình bày các phiên bản của hệ điều hành LINUX.

2. Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau

+ Nêu lí do thiết bị xử lí đa năng cần có hệ điều hành.

+ Nêu mối quan hệ giữa phần cứng, phần mềm ứng dụng và hệ điều hành.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Hệ điều hành Windows 7 ra đời năm nào?

A. 2007 B. 2008 C. 2009 D. 2010

2. Linux có nguồn gốc từ:

A. UNIX. B. Windows. C. iOS. D. Android

3. Hệ điều hành nào là hệ điều hành thiết bị di động?

A. Ubuntu. B. iOS. C. Windows. D. Mac OS.

4. Đâu là khác biệt của hệ điều hành cho thiết bị di động so với hệ điều hành?

A. Giao diện đa màu, khó sử dụng.

B. Ít tiện ích để hỗ trợ cá nhân.

C. Thao tác khó sử dụng, phải sử dụng mạng để thao tác.

D. Dễ dàng kết nối mạng di động.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân.
- Sử dụng được vài tiện ích của hệ điều hành nâng cao hiệu quả của máy tính cá nhân.
- Sử dụng được một một vài tiện ích cơ bản của hệ điều hành trên thiết bị di động.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về thiết bị trợ thủ cá nhân.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm thực hành sử dụng thiết bị số cá nhân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành giải quyết các nhiệm vụ của giáo viên đề ra.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm: Tinh thần tham gia trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đoán dung lượng của các thiết bị.
- GV chiếu một số các thiết bị: *điện thoại Samsung, điện thoại Iphone, laptop Dell, macbook. GV yêu cầu HS gọi tên trình bày hệ điều hành tương thích của từng thiết bị.*
- HS quan sát, thảo luận và đưa ra dự đoán của mình.
- GV ghi nhận đáp án, yêu cầu HS kiểm chứng vào cuối tiết học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Sử dụng một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân

a) Mục tiêu:

- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân.

b) Nội dung: GV hướng dẫn, HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, đọc thông tin sgk và hoàn thành các nhiệm vụ mà GV đưa ra. **NV1:** GV chiếu màn hình nền của Windows, Ubuntu yêu cầu HS quan sát, nhận diện màn hình nền để biết vị trí	**1. Sử dụng một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân** **a. Làm quen với giao diện**

các đối tượng trên màn hình: biểu tượng, cửa sổ, thanh trạng thái và thanh công việc. - GV lưu ý HS: + Windows thường hiển thị các ứng dụng ở cạnh đáy màn hình trong thanh công việc. + Ubuntu còn có danh sách công việc ở bên trái màn hình và các ứng dụng có thể tải về từ biểu tượng danh mục ứng dụng ở góc bên trái màn hình. - HS quan sát hình 2.1, 2.2 và so sánh với hình GV chiếu trên màn hình để biết vị trí các đối tượng trên màn hình. - GV thực hành các thao tác làm việc với biểu tượng như nháy chuột, nháy đúp chuột, nháy nút phải chuột, kéo tha chuột. - HS quan sát thao tác GV làm và thực hành theo nhóm đã phân công. **NV2:** - GV cho HS đọc thông tin ở mục 1b và trả lời câu hỏi: *Việc quản lý tệp và thực mục của hệ điều hành Windows được thực hiện thông qua tiện ích gì?* - GV thực hành quản lí thư mục hệ điều hành (Windows và Ubuntu) gồm: tạo mới, đổi tên, xóa, di chuyển thư mục. - HS quan sát thao tác GV làm và thực hành theo nhóm đã phân công. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	+ Windows thường hiển thị các ứng dụng ở cạnh đáy màn hình trong thanh công việc. + Ubuntu còn có danh sách công việc ở bên trái màn hình và các ứng dụng có thể tải về từ biểu tượng danh mục ứng dụng ở góc bên trái màn hình. **b. Quản lí, tệp và thư mục** - Hệ điều hành Windows và Ubuntu đều có thể thực hiện các thao tác với thư mục và tệp bằng cách nháy nút phải chuột vào biểu tượng để mở bảng chọn, sau đó chọn để thực hiện các chức năng như mở, xem, tạo thư mục con, đặt tên, xóa, sao chép, di chuyển các tệp và thư mục con… - Cả 2 đều có chung cách chạy một ứng dụng bằng cách nháy đúp chuột vào biểu tượng ứng dụng hoặc nháy nút phải chuột vào đối tượng để mở ra bảng

- HS suy nghĩ trả lời hoạt động 1 - HS nghe GV giảng bài, trả lời câu hỏi của GV. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	chọn sau đó chọn lệnh Open

Hoạt động 2.2: Sử dụng một số tiện ích trên hệ điều hành máy tính cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng máy

a) **Mục tiêu:** Sử dụng được vài tiện ích của hệ điều hành nâng cao hiệu quả của máy tính cá nhân.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 2 để trả lời câu hỏi: *+ Tiện ích là gì?* *+ Kể tên một số tiện ích được cài đặt cùng hệ điều hành.* - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, đọc thông tin sgk và hoàn thành các nhiệm vụ mà GV đưa ra: Thực hành sử dụng tiện ích kiểm tra đĩa và hợp mảnh trên đĩa cứng.	**2. Sử dụng một số tiện ích trên hệ điều hành máy tính cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng máy** Các bước để sửa lỗi đĩa và hợp mảnh: - Sử dụng File Explorer và tìm danh sác các ổ đĩa. Nháy nút phải chuột vào ổ đĩa muốn xử lý rồi chọn Properties.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	- Trong cửa sổ Properties của đĩa cứng, chọn Tools. - Chọn Check để kiểm tra và khắc phục lỗi đĩa; Chọn Optimize để tối ưu hóa, hợp mảnh.

Hoạt động 2.3: Sử dụng một số tiện ích trên hệ điều hành cho thiết bị di động

b) **Mục tiêu:** Sử dụng được một một vài tiện ích cơ bản của hệ điều hành trên thiết bị di động.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, đọc thông tin sgk và hoàn thành các nhiệm vụ mà GV đưa ra (nhóm 1 – NV1, nhóm – NV2, nhóm 3 – NV3, nhóm 4 – NV4) **NV1:** Em hãy kể tên một số các tiện ích của hệ điều hành Android hoặc iOS cho thiết bị di động mà em biết. **NV2:** Em hãy tìm hiểu trên điện thoại em đang sử dụng để thực hiện chức năng sau: Hiển thị danh bạ, thêm một người vào danh bạ với một số thông tin. Xóa một người khỏi danh bạ, truy cập danh bạ để gọi	**2. Sử dụng một số tiện ích trên hệ điều hành cho thiết bị di động** HS thực hành theo nhóm.

điện thoại nhanh. **NV3:** Em hãy đặt lịch, hẹn giờ, nhắc việc **NV4:** Em hãy quản lý ứng dụng **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 14 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 14 sgk.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 14 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: PHẦN MỀM NGUỒN MỞ VÀ PHẦN MỀM CHẠY TRÊN INTERNET

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số khái niệm và so sánh phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại; Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của công nghệ thông tin.
- Làm quen với phần mềm chạy trên Internet.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi phần mềm nguồn mở.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên internet.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

+ Học sinh nhận biết được một số phần mềm chạy trên internet.

+ Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ minh họa được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của công nghệ thông tin.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo, tinh thần vì lợi ích chung của cộng đồng nguồn mở.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11, giáo án.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: Giáo viên nêu ra vấn đề, học sinh lắng nghe

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên trình bày vấn đề: *Với ngôn ngữ lập trình bậc cao, chương trình sẽ được viết dưới dạng văn bản gần với ngôn ngữ tự nhiên. Văn bản này gọi là mã nguồn. Để máy tính có thể chạy được trực tiếp, chương trình được dịch thành dãy lệnh gọi là mã máy. Mà máy này rất khó đọc hiểu nên việc dịch sang mã máy còn giúp bảo vệ chống đánh cắp ý tưởng hay sửa đổi phần mềm. Phần mềm chuyển giao dưới dạng mã máy thường được gọi là phần mềm nguồn đóng.*

Vào những năm 1970, trong một số trường đại học ở Mỹ đã xuất hiện việc chia sẻ mã nguồn để cùng phát triển phần mềm, dẫn tới sự ra đời của phần mềm nguồn mở - một xu hướng có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của công nghệ phần mềm sau này. Vậy lợi ích đối với cộng đồng trong việc chia sẻ mã nguồn là gì chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài 3

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Phần mềm nguồn mở

a) Mục tiêu: Trình bày được một số khái niệm và so sánh phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại.

b) Nội dung: GV cho HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**1. Phần mềm nguồn mở**

- GV cho HS đọc thông tin ở mục 1a sgk, chia lớp thành các nhóm, yêu cầu thảo luận, trả lời câu hỏi: *Hãy thảo luận xem lợi ích của người dùng được tăng dần như thế nào theo hướng mở nói trên.* ***NV1*** Thảo luận hoàn thành nhiệm vụ 1 phiếu học tập - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. ***NV2:*** - GV cho HS đọc thầm thông tin ở mục 1b, thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời câu hỏi: *+ Khi sử dụng phần mềm thương mại, tự do hay nguồn mở người dùng phải tuân thủ điều gì?* *+ Em hãy so sánh quyền sử dụng phần mềm quần Mở với quy định về bản quyền và cho biết một số điểm mâu thuẫn.* *+ Giấy phép công cộng GNU GPL là gì?* *+ Trình bày một số nội dung đáng chú ý của giấy phép công cộng GNU GPL.* - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. ***NV3:*** Thảo luận hoàn thành nhiệm vụ 2 phiếu học tập - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả hoạt	**a. Phân loại phần mềm theo cách chuyển giao sử dụng** - Phần mềm thương mại dùng để bán, người dùng phải mua mới được quyền sử dụng. Hầu hết phần mềm thương mại được bán ở dạng mã máy gọi là phần mềm nguồn đóng. - Phần mềm nguồn mở là phần mềm được cung cấp cả mã nguồn mà người dùng có quyền sử dụng thay đổi và phân phối lại theo các giấy phép thích hợp. **b. Giấy phép đối với phần mềm mở** - Giấy phép công cộng GNU GPL Là giấy phép điển hình đối với phần mềm vụ mở. Nó đảm bảo quyền tiếp cận của người sử dụng đối với mã nguồn để dùng, thay đổi hoặc phân phối lại; Bảo đảm quyền miễn trừ của các tác giả về hậu quả sử dụng phần mềm; Bảo đảm quyền đứng tên của các tác giả tham gia phát triển, đảm bảo sự phát triển bền vững của phần mềm nguồn mở bằng cách công bố

động 1. - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhóm bạn (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	rõ ràng các thay đổi của các phiên bản già buộc phần phát triển dựa trên phần mềm nguồn mở theo giấy phép GPL cũng phải mở theo GPL.

Hoạt động 2.2: Vai trò của phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở.

a) Mục tiêu: Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của công nghệ thông tin.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ***NV1*** - GV cho HS đọc thông tin ở mục 2 sgk, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ 3 trong phiếu học tập ***NV2*** - GV cho HS hoạt động cặp đôi, trả lời câu hỏi: *+ Phần mềm nguồn mở có thay thế hoàn toàn được phần mềm thương mại hay không? Tại sao?* *+ Trình bày ưu điểm của phần mềm thương*	**2. Vai trò của phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở.** - Ưu điểm của phần mềm thương mại: + Phần mềm dạng "đặt hàng" đáp ứng nhu cầu riêng và người dùng được hỗ trợ kỹ thuật. + Phần mềm "đóng gói" có tính hoàn chỉnh cao, đáp ứng nhu cầu rộng rãi. - Ưu điểm của phần mềm

mại và phần mềm nguồn mở. *+ Trình bày vai trò của phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả HĐ 2. - HS rút ra ưu điểm của phần mềm thương mại, ưu điểm của phần mềm nguồn mở, vai trò của hai loại phần mềm **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	nguồn mở: Chi phí thấp, minh bạch, không bị phụ thuộc nhiều vào nhà cung cấp. - Vai trò của hai loại phần mềm: + Phần mềm thương mại là nguồn thu nhập chính của các tổ chức, cá nhân là phần mềm chuyên nghiệp, góp phần tạo ra thị trường phần mềm phong phú, đáp ứng các nhu cầu riêng của cá nhân, tổ chức và các yêu cầu chung của xã hội. + Phần mềm còn mở giúp những người có nhu cầu được sử dụng phần mềm dùng chung chất lượng tốt, ổn định và chi phí thấp.

Hoạt động 2.3: Phần mềm chạy trên Internet.

a) Mục tiêu: Làm quen với phần mềm chạy trên Internet.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thông tin ở mục 3 sgk, hoạt động cặp đôi, trả lời câu hỏi: *+ Phần mềm chạy trên Internet là gì?*	**3. Phần mềm chạy trên Internet.** - Hai đã đến quan trọng của ngành chạy trên Internet là: + Phần mềm được cài đặt ở

+ Trình bày đặc điểm của phần mềm chạy trên Internet. *+ Kể tên một số phần mềm trực tuyến khác với các phần mềm đã nêu trong bài.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả HĐ 3 - HS rút ra đặc điểm của phần mềm chạy trên Internet. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	một máy nào đó kết nối với Internet. + Có thể sử dụng trên một máy khác (không cần cài phần mềm này) kết nối qua internet - Lợi ích của phần mềm chạy trên Internet là có thể sử dụng ở bất cứ đâu, bất cứ khi nào, bất cứ máy tính nào miễn là có kết nối Internet, chi phí rẻ và không mất phí.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, thảo luận, hoàn thành bài tập:

Bài 1. *Có thể nói "phần mềm nguồn mở ngày càng phát triển thì thị trường phần mềm thương mại càng suy giảm" hay không Tại sao?*

Bài 2. *Phần mềm ở các trạm ATM (rút tiền tự động) có phải là phần mềm trực tuyến không?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.
- GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 20 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.
- GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng sau:

Nhóm 1, 3

Tên phần mềm	***Đặc điểm***	***Ví dụ một số phần mềm***
Phần mềm thương mại		
Phần mềm tự do		

Nhóm 2, 4

Tên phần mềm	***Đặc điểm***	***Ví dụ một số phần mềm***
Phần mềm nguồn mở		
Phần mềm nguồn đóng		

2. Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau

+ Em hãy cho biết ý nghĩa của yêu cầu "người sửa đổi, nâng cấp phần mềm nguồn mở phải công bố rõ ràng phần nào đã sửa, sửa thế nào so với bản gốc".

+ Ý nghĩa của yêu cầu "phần mềm sửa đổi một phần mềm nguồn mở theo GPL cũng phải mở theo giấy phép của GPL" là gì ?

3. Nhiệm vụ 3: Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng sau:

Nhóm 1, 3: Hoàn thành tên các phần mềm thương mại

Nhóm 2, 4: Hoàn thành tên các phần mềm nguồn mở cùng chức năng

Lĩnh vực	*Phần mềm thương mại*	*Phần mềm nguồn mở cùng chức năng*
Phần mềm văn phòng		
Hệ điều hành		
Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		
Phần mềm xử lý ảnh		

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: BÊN TRONG MÁY TÍNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Nhận diện được một số thiết bị trong thân máy với chức năng và các thông số đo hiệu năng của chúng.
- Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT Và giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để nêu được các loại thông tin và các kiểu dữ liệu sẽ gặp trong chương trình tin học phổ thông.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Video, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV chiếu video, HS quan sát

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề: *Trong chương trình tin học ở các lớp dưới các em đã biết cấu trúc chung của máy tính bao gồm: bộ xử lý trung tâm, bộ nhớ trong, bộ nhớ ngoài, các thiết bị vào - ra. Tuy nhiên, hầu hết các em chỉ nhìn thấy các thiết bị bên ngoài như màn hình, bàn phím, chuột, máy chiếu, bộ nhớ ngoài. Em có biết cụ thể trong thân máy có những bộ phận nào hay không? Để trả lời được câu hỏi đó thì chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài 4.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1:

a) Mục tiêu: Nhận diện được một số thiết bị trong thân máy với chức năng và các thông số đo hiệu năng của chúng.

b) Nội dung: GV cho HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS. ***Các thiết bị bên trong máy tính***

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ***NV1*** - GV chiếu hình 4.2 sgk lên màn hình và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: *Cho biết tên các thiết bị trong hình?* - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1	**1. Các thiết bị bên trong máy tính** - Các thiết bị bên trong máy tính được gắn trên bảng mạch chính, gồm có bộ xử lý, bộ nhớ trong, bộ nhớ ngoài và có thể gắn thêm các

trong phiếu học tập. - Giáo viên quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết. ***<u>NV2</u>*** - HS thảo luận theo hình thức cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau: *+ Có thể đo tốc độ của CPU bằng phép tính thực hiện trong một giây không?* *+ Giá tiền của mọi thiết bị nhớ có phải là một thông số đo chất lượng không?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát hình ảnh, thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả trước lớp, nghe GV rút kinh nghiệm. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	bảng mạch mở rộng - Bộ xử lý là nơi thực hiện các phép toán và điều khiển toàn bộ máy tính hoạt động theo chương trình. Tốc độ của bộ xử lý đo bằng tần số xung nhịp thường được tính theo đơn vị GHz. Bộ xử lý có thể có nhiều lõi, mỗi lõi là một đơn vị xử lý cho phép thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ. - Bộ nhớ trong là nơi chứa dữ liệu khi máy tính hoạt động còn bộ nhớ ngoài chứa dữ liệu lưu trữ. Các thông số quan trọng nhất của bộ nhớ là dung lượng nhớ, thường được tính theo KB, MB, GB và thời gian truy cập trung bình.

Hoạt động 2.2: Mạch logic vai trò của mạch logic

a) Mục tiêu: Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT Và giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV dựa vào sgk, giới thiệu: CPU là thiết bị quan trọng nhất bên trong thân máy. Về bản chất, nó là một mạch điện tử được dùng để biến đổi các dữ liệu nhị phân. Cách thức xử lí dữ liệu của CPU dựa trên cơ sở hoạt động của các mạch logic. ***<u>NV1</u>*** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 bạn để trả lời các câu hỏi: *+ Phép nhân hai đại lượng logic nhận giá trị 1 khi nào?* *+ Phép cộng hai đại lượng logic nhận giá trị 1 khi nào?* *+ Phép trừ hai đại lượng logic nhận giá trị 1 khi nào?* *+ Phép phủ định cho những giá trị nào?* - GV chiếu sơ đồ mạch điện logic AND, OR, NOT cho HS xem và giảng giải. - GV chiếu Bảng 4.8 (bảng cộng) và giảng giải giúp HS hiểu bảng cộng. - GV hướng dẫn học sinh thực hiện ví dụ ở hình 4.9. - GV đưa ví dụ minh họa cho HS tham khảo.	**2. Mạch logic vai trò của mạch logic** - Mạch logic hay mạch số là các mạch điện hay điện tử có đầu vào và đầu ra thể hiện các giá trị logic. Mọi người cũng rất nhiều có thể xây dựng từ các cổng AND, OR và NOT. - Tất cả các thiết bị số gồm cả máy tính đều được chế tạo từ các ngành logic.

NV2 - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: + *Thế nào là một mạch logic?* + *Nêu tầm quan trọng của mạch logic.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức, thảo luận cùng bạn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày kết quả thảo luận. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở phần luyện tập (sgk/26)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS đứng dậy trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập:

Có một chữ số đo hiệu quả của máy tính là flops. Hãy tìm hiểu flops là gì và tại sao ít dùng với máy tính cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau

Nhóm 1: Trình bày về bộ xử lý trung tâm.

Nhóm 2: Trình bày về bộ nhớ trong RAM.

Nhóm 3: Trình bày về bộ nhớ trong ROM.

Nhóm 4: Trình bày về bộ nhớ ngoài.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: KẾT NỐI MÁY TÍNH VỚI CÁC THIẾT BỊ SỐ

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết một số thông số cơ bản của thiết bị vào - ra thông dụng, cách kết nối với máy tính cũng như tùy chỉnh được một vài chức năng cơ bản để nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu sử dụng.
- Đọc hiểu và giải thích được một số thông số cơ bản của thiết bị số thông dụng trong các tài liệu để kết nối chúng với máy tính.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ của giáo viên đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:Giải thích được được một số thông số cơ bản của thiết bị số thông dụng trong các tài liệu để kết nối chúng với máy tính.
-

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.

- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV chơi trò chơi

c) Sản phẩm: Tinh thần tham gia trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Các thiết bị số có khả năng trao đổi dữ liệu của máy tính đa dạng. Trong số đó, một số thiết bị không có khả năng xử lý thông tin độc lập, chúng chỉ làm việc khi được kết nối với máy tính.Việc kết nối máy tính phương pháp thiết bị số được thực hiện như thế nào, cần phải tùy chỉnh gì khi kết nối chúng với nhau. Để trả lời được câu hỏi đó chúng ta cùng đến với bài: Kết nối máy tính với các thiết bị số.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Một số thiết bị vào ra thông dụng

a) Mục tiêu: Biết một số thông số cơ bản của thiết bị vào - ra thông dụng, cách kết nối với máy tính cũng như tùy chỉnh được một vài chức năng cơ bản để nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu sử dụng.

b) Nội dung: GV cho HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Các thiết bị vào pha là nhóm các thiết bị ngoại vi đa dạng và phong phú nhất của máy tính. Các thiết bị vào cho phép nhập dữ liệu vào máy tính, thiết bị ra chuyển thông tin từ máy tính ra ngoài. Một số thiết bị có khả	**1. Một số thiết bị vào ra thông dụng** - Máy tính có thể kết nối được với nhiều thiết bị số, trong đó có các thiết bị vào - ra, thường chỉ làm việc từ khi kết nối với

năng trao đổi thông tin hai chiều qua máy tính có thể được coi vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra như bộ nhớ ngoài kết nối với cổng USB ***<u>NV1</u>*** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập - GV quan sát hướng dẫn học sinh khi cần thiết ***<u>NV2</u>*** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trình bày các câu hỏi sau: *+ Nêu và giải thích ý nghĩa các thông số của màn hình.* *+ Nêu và giải thích ý nghĩa các thông số của máy in.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát SGK, vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi của GV đưa ra - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả trước lớp, nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	máy tính. - Mỗi thiết bị vào - ra có những thông số đặc trưng riêng. Biệt hiệu có thông số này giúp ta lựa chọn thiết bị phù hợp. Trong trường hợp cần thiết có thể phải tùy chỉnh chức năng của các thiết bị theo nhu cầu sử dụng để đạt hiệu quả tốt hơn **a. Một số thiết bị nào thông dụng** - Bàn phím, chuột, máy đọc mã vạch, máy quét ảnh, camera số…. **b. Thiết bị ra** - Màn hình, máy in, máy chiếu… Một số thiết bị có khả năng trao đổi thông tin hai chiều qua máy tính có thể được coi vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra như bộ nhớ ngoài kết nối với cổng USB

Hoạt động 2.2: Kết nối máy tính với thiết bị số

a) Mục tiêu: Đọc hiểu và giải thích được một số thông số cơ bản của thiết bị số thông dụng trong các tài liệu để kết nối chúng với máy tính.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát hình 5.4 sgk và cho biết tên các cổng kết nối của máy tính. ***NV1*** - GV yêu cầu học sinh đọc thầm thông tin ở mục 2 sách giáo khoa và trả lời các câu: *+ Trình bày đặc điểm của cổng VGA.* *+ Trình bày đặc điểm của cổng HDMI.* *+ Trình bày đặc điểm của cổng USB.* *+ Trình bày đặc điểm của cổng mạng.* ***NV2*** Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đứng dậy trình bày lại nội dung kiến thức đã được học. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	**2. Kết nối máy tính với thiết bị số** Để kết nối một thiết bị số với máy tính cần tìm hiểu tài liệu kỹ thuật để nắm được các thông số và cách kết nối

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 31 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS đứng dậy trình bày:
- HS nhận xét câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 31 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau

Nhóm 1: Trình bày về bàn phím. Cho ví dụ minh họa.

Nhóm 2: Trình bày về chuột. Cho ví dụ minh họa.

Nhóm 3: Trình bày về màn hình. Cho ví dụ minh họa.

Nhóm 4: Trình bày về máy in. Cho ví dụ minh họa.

2. Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau

Nhóm 1: Để làm việc với một thiết bị mới, chúng cần thực hiện theo những bước nào?

Nhóm 2: Cách kết nối thiết bị số với máy tính có phụ thuộc vào loại thiết bị không

Nhóm 3: Em hiểu thế nào về tham số kết nối ?

Nhóm 4: Trình bày các đặc điểm cho thấy không có một kết nối chung cho mọi thiết bị số.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 2: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

TÊN BÀI DẠY: LƯU TRỮ VÀ CHIA SẺ TỆP TIN TRÊN INTERNET

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Dropbox để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi của GV đưa ra
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo biết được cách để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm: Tinh thần tham gia trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Nhóm em đang cùng nhau làm bài tập lớn. Em được giao lập kế hoạch và phân công công việc cho cả nhóm. Có những cách nào để chia sẻ văn bản này cho các thành viên trong nhóm.
- HS quan sát, thảo luận và đưa ra phương án của mình.
- GV ghi nhận đáp án, sau đó gợi ý phân tích ưu nhược điểm của các phương án đó và dẫn nhất vào bài. Bài học hôm nay chúng ta sẽ làm quen một dịch vụ hữu ích có thể giúp các em trong tình huống này.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet - ổ đĩa trực tuyến

a) Mục tiêu: Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Dropbox để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.

b) Nội dung: GV hướng dẫn, HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc HĐ1, quan sát hình 6.1 minh họa tính năng cơ bản của một dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet. Các em hãy quan sát thảo luận nhóm và đưa ra mô tả các tính năng đó từ đó cho biết tại sao dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet còn được gọi	**1. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet - ổ đĩa trực tuyến** - Sử dụng dịch vụ lưu trữ thư mục và tệp trực tuyến, người dùng sẽ được cung cấp một ổ đĩa trực tuyến.

là dịch vụ lưu trữ đám mây? - GV chiếu giao diện làm việc của một ổ đĩa trực tuyến thông dụng như hình 6.2 và trình bày từng khu vực cho học sinh nhận dạng . - GV nhấn mạnh: khám phá tính năng cơ bản nhất của dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet đó là Upload và Download ***NV1*** - GV yêu cầu HS đọc thầm mục a,b,c sgk/33 để trả lời các câu hỏi sau: *+ Tải tệp lên ổ đĩa trực tuyến cho phép người dùng làm gì?* *+ Tạo mới vào quản lý thư mục, tệp trên ổ đĩa trực tuyến cho phép người dùng làm gì?* *+ Chia sẻ thư mục và tệp cho phép người dùng làm gì?* - GV giải thích rõ hơn về tính năng cho phép mở và chỉnh sửa trực tiếp các tệp tạo bởi các ứng dụng văn phòng mà người dùng tải lên một trong những ưu điểm của dịch vụ này. - Giáo viên còn giải thích nhờ về ba chế độ phân quyền cho học sinh nắm rõ ***NV2*** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để hoàn thành các câu hỏi sau: *+ Chỉ ra một vài ưu điểm và nhược điểm của*	- Trên ổ đĩa trực tuyến, người dùng có thể thực hiện phải tệp, thư mục lên để lưu trữ, tạo mới, chia sẻ tệp, thư mục… và các tính năng hữu ích khác

việc lưu trữ và chia sẻ tệp trên Internet **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ trả lời hoạt động 1, các câu hỏi GV đưa ra - HS nghe GV giảng bài, rút ra kết luận **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận, chuyển sang nội dung tiếp theo.	

Hoạt động 2.2: Thực hành lưu trữ và chia sẻ tệp trên ổ đĩa trực tuyến

a) Mục tiêu: Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Dropbox để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Phần bài thực hành học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, quan sát GV thực hành và hoàn thành các nhiệm vụ mà GV đưa ra (nhóm 1 – NV1, nhóm 2 – NV1, nhóm 3 – NV2, nhóm 4 – NV2) **NV1:** Em hãy lưu trữ tệp tin trên ổ đĩa trực tuyến.	**2. Thực hành lưu trữ và chia sẻ tệp trên ổ đĩa trực tuyến** HS thực hành theo nhóm. * Tìm kiếm thông tin trên

GV hướng dẫn thực hành ở NV1: + Mở dịch vụ Google Drive tại http://drive.google.com + Đăng nhập bằng tài khoản Google của em để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google + Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến. **NV2:** Em hãy Chia sẻ tự tin cho các thành viên trong nhóm. GV hướng dẫn thực hành ở NV2: + Nháy nút phải chuột vào tệp tin cần chia sẻ trên ổ đĩa trực tuyến, bảng lệnh hiện ra, chọn chia sẻ. + Thực hiện các nước minh họa để chia sẻ tập tin như hình 6.5 + Kiểm tra thông tin chia sẻ của tệp tại khu vực hiển thị các thông tin chi tiết của tệp, thư mục đang được chọn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	Internet vào máy tìm kiếm. + Mở dịch vụ Google Drive tại http://drive.google.com + Đăng nhập bằng tài khoản Google của em để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google + Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến. * Chia sẻ tự tin cho các thành viên trong nhóm. + Nháy nút phải chuột vào tệp tin cần chia sẻ trên ổ đĩa trực tuyến, bảng lệnh hiện ra, chọn chia sẻ. + Thực hiện các nước minh họa để chia sẻ tập tin như hình 6.5 + Kiểm tra thông tin chia sẻ của tệp tại khu vực hiển thị các thông tin chi tiết của tệp, thư mục đang được chọn.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 35 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập luyện tập trang 35 sgk.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 35 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được máy tìm kiếm trên PC và thiết bị thông minh bằng cách gõ từ khóa hoặc bằng tiếng nói.
- Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về số hoá âm thanh và hình ảnh
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để giải thích được việc số hoá âm thanh và hình ảnh.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng được máy tìm kiếm trên PC và thiết bị thông minh bằng cách gõ từ khóa hoặc bằng tiếng nói.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Chăm chỉ, năng động, chịu khó tìm tòi, sáng tạo, vận dụng.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm: Tinh thần tham gia trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV trình bày: *Có ý kiến cho rằng ngày nay tất cả mọi thông tin đều có thể tìm thấy trên Internet. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Theo em, tại sao khi cùng tìm thông tin về một vấn đề, nhưng có người sẽ tìm được rất nhanh và chính xác có người thì không?*
- HS thảo luận và đưa ra phương án của mình.
- GV ghi nhận đáp án, kiểm chứng ở cuối bài học

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet

a) Mục tiêu:

- Sử dụng được máy tìm kiếm trên PC và thiết bị thông minh bằng cách gõ từ khóa hoặc bằng tiếng nói.
- Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Phần bài thực hành học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, quan sát GV thực hành và hoàn thành các nhiệm vụ mà GV đưa ra (nhóm 1 – NV1, nhóm 2 – NV2, nhóm 3 – NV3,	**2. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet** HS thực hành theo nhóm.

nhóm 4 – NV4) **NV1:** Tìm kiếm thông tin trên Internet vào máy tìm kiếm. **NV2:** Khám phá cách thực hiện tìm kiếm bằng giọng nói **NV3:** Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí Tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin **NV4:** Trải nghiệm và so sánh giữa các máy tìm kiếm phổ biến - Đối với nhiệm vụ 1, GV hướng dẫn HS tìm và khởi động trình duyệt có sẵn trên máy tính, GV định hướng cho HS thực hiện tìm kiếm bằng máy tìm kiếm Google. Sau khi thành thạo sẽ tự trải nghiệm máy tìm kiếm khác. - Đối với nhiệm vụ 2, GV yêu cầu HS từng bước thực hành theo giáo viên, trường hợp này máy tính của học sinh cần phải có micro. - Đối với nhiệm vụ 3, GV lấy ví dụ minh họa việc tìm kiếm thông tin dạng hình ảnh tin tức hay video bằng cách chọn dạng phân loại kết quả tìm kiếm tương ứng như hình 7.1 sách giáo khoa - Đối với nhiệm vụ 4, GV giúp HS trải nghiệm tìm kiếm trên các máy tìm kiếm khác nhau để so sánh hoạt động của các máy tìm kiếm đó, để các em có thể cảm nhận về tính năng lượng thân thiện của các máy tìm kiếm đã sử dụng **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	* Tìm kiếm thông tin trên Internet vào máy tìm kiếm. + Khởi động công cụ tìm kiếm. + Tìm kiếm bằng từ khóa nhập từ bàn phím. + Đọc kết quả tìm kiếm. Nếu kết quả tìm kiếm chưa được như ý muốn thì quay lại bước 2 với từ khóa khác để việc tìm kiếm hiệu quả hơn. * Khám phá cách thực hiện tìm kiếm bằng giọng nói + Khởi động công cụ tìm kiếm. + Tìm kiếm bằng từ khóa nhập bằng giọng nói. Nháy chuột vào biểu tượng micro cạnh ô nhập từ khóa tìm kiếm, sau đó đọc từ khóa tìm kiếm, sau khi dừng đọc máy tìm sẽ hiển thị kết quả tìm. + Kiểm tra từ khóa được

- HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	tự động điền sau khi đọc tại bước 2. Nếu không khớp, thực hiện lại bước 2 để đọc lại từ khóa. + Đọc kết quả tìm kiếm. Nếu kết quả tìm kiếm chưa được như ý muốn thì quay lại bước 2 với từ khóa khác để việc tìm kiếm hiệu quả hơn. * Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí Tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin + Khởi động công cụ tìm kiếm. + Nhập từ khóa cần tìm và bổ sung cụm từ "filetype:pdf" + Đọc kết quả tìm kiếm. Nếu kết quả tìm kiếm chưa được như ý muốn thì quay lại bước 2 với từ khóa khác để việc tìm kiếm hiệu quả hơn. * Trải nghiệm và so sánh giữa các máy tìm kiếm phổ biến + Chọn máy Tìm kiếm để

	trải nghiệm + Trải nghiệm có mấy tìm kiếm đã chọn + Đọc lại bảng so sánh đã được điều đầy đủ các thông tin sau Bước 2 và rút ra kết luận về các máy tìm kiếm đã trải nghiệm. Chia sẻ với bạn bè các thông tin thu được.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 38 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 38 sgk.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 38 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH NÂNG CAO SỬ DỤNG THƯ ĐIỆN TỬ VÀ MẠNG XÃ HỘI

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết đánh dấu và phân loại thư điện tử.
- Khai thác được một số chức năng nâng cao của mạng xã hội

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về thiết bị trợ thủ cá nhân.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm thực hành sử dụng thiết bị số cá nhân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành giải quyết các nhiệm vụ của giáo viên đề ra.

2.2 Năng lực tin học

Hình thành, phát triển các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Về phẩm chất

Hình thành và phát triển phẩm chất:

- Ham học hỏi, tìm hiểu về thiết bị công nghệ.
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, kiên nhẫn

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên.
- Học liệu: Giáo án, Sách giáo khoa Tin học 11, sách giáo viên Tin học 11.

III. Tiến hành dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) Nội dung: GV cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm: Tinh thần tham gia trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV dẫn dắt: *Thư điện tử trong hộp thư thường được hiển thị theo trình tự thời gian thư được gửi tới. Em hãy trao đổi với các bạn trong nhóm về những cách giúp em tìm đọc lại những thư em đã nhận trước đây.*
- HS thảo luận và đưa ra phương án của mình.
- GV ghi nhận đáp án, kiểm chứng ở cuối bài học

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Đánh dấu và phân loại thư điện tử

a) Mục tiêu: Biết đánh dấu và phân loại thư điện tử.

b) Nội dung: GV hướng dẫn, HS đọc hiểu, rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **NV1** - GV cho HS đọc NV1 sgk, thảo luận nhóm để trả lời một số câu hỏi: *+ Vai trò của việc đánh dấu phân loại thư điện tử là gì?* *+ Trình bày các dấu hiệu của thư quan trọng của Gmail.*	**1. Đánh dấu và phân loại thư điện tử** **a. Tìm hiểu dấu hiệu thư quan trọng trong Gmail** - Việc đánh dấu, phân loại thư điện tử để sắp xếp hộp thư một cách hợp lý sẽ giúp việc sử dụng và tìm kiếm thư điện tử thuận

+ Dựa vào hình 8.1 trong SGK chỉ ra những dấu hiệu thư được đánh dấu quan trọng. - GV thực hành làm việc trong phần mềm thư điện tử Gmail: Thao tác các bước thực hiện phân loại thư điện tử, tìm kiếm thư quan trọng theo yêu cầu. - GV yêu cầu các nhóm làm việc trong phần mềm thư điện tử Gmail thực hành theo hướng dẫn của GV. **NV2** - GV cho HS đọc NV2 sgk, thảo luận nhóm để trả lời một số câu hỏi: *+ Nhãn (Label) để làm gì?* *+ Phân biệt được nhãn và thư mục* *+ Trình bày các bước tạo nhãn* - GV thực hành làm việc trong phần mềm thư điện tử Gmail: Thao tác các bước thực hiện tạo nhãn trong phần mềm Gmail, gán nhãn cho các thư mục có trong hộp thư đến - GV yêu cầu các nhóm làm việc trong phần mềm thư điện tử Gmail thực hành theo hướng dẫn của GV. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi - HS nghe GV giảng bài, trả lời câu hỏi của GV. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả trước lớp	tiện hơn. - Gmail hỗ trợ Tự động xác định và đánh dấu Thư thuộc loại quan trọng bằng dấu quan trọng màu vàng **b. Sắp xếp phân loại thư trong Gmail bằng Nhãn** - Sử dụng nhãn (Label) để sắp xếp, phân loại trong hộp thư đến giúp tiết kiệm thời gian khi tìm kiếm lại các thư, tránh thất lạc thông tin ở các thư cũ và quản lý việc nhận thư từ các địa chỉ thư điện tử dễ dàng hơn

- HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	

Hoạt động 2.2: Khai thác một chức năng nâng cao của mạng xã hội

a) Mục tiêu: Khai thác sử dụng một số ứng dụng và dữ liệu trên các thiết bị di động.

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc NV3 sgk, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Fanpage là gì ?* - GV thực hành thao tác tạo Fanpage. - GV yêu cầu các nhóm tạo Fanpage, thực hành theo hướng dẫn của GV. - GV lưu ý với HS: Việc tạo và quản lý cấp Fanpage để quảng bá thương hiệu của một số tổ chức hay trang thương mại điện tử được thực hiện theo cách tương tự. - GV thực hành thao tác thiết lập những người có thể xem bài viết của mình trong tương lai, thiết lập các quyền liên quan đến trang cá nhân và gắn thẻ. - GV yêu cầu các nhóm thiết lập những người có thể xem bài viết của mình trong tương lai, thiết lập các quyền liên quan đến trang cá nhân và gắn thẻ, thực hành theo hướng dẫn của GV.	**2. Khai thác một chức năng nâng cao của mạng xã hội** **a. Tạo Fanpage trên Facebook** HS thực hành theo nhóm. **b. Tìm hiểu và cài đặt quyền riêng tư trên Facebook** HS thực hành theo nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: GV giao bài tập, HS thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 42 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 42 sgk.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 42 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA

TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

TÊN BÀI DẠY: GIAO TIẾP AN TOÀN TRÊN MẠNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên không gian số và những biện pháp phòng tránh.
- Biết giao tiếp một cách văn minh phù hợp với các quy tắc và văn hóa ứng xử trong môi trường số.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để tìm ra khái niệm điện toán đám mây
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được những biện pháp phòng tránh lừa đảo phổ biến trên không gian số

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập để trở thành người công dân có trí thức trong thời đại công nghệ số.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu ra vấn đề, học sinh lắng nghe

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề: Mạng Internet mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên việc sử dụng không đúng cách sẽ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe và tinh thần cùng nhiều rủi ro: Mất thông tin cá nhân, bị lừa đảo, quấy rối, đối với các đối mặt với các thông tin sai lệch, bị lôi kéo tham gia những thử thách nguy hại….Do vậy khi tham gia mạng nói riêng, không gian số nói chung, mỗi người cần chuẩn bị cho mình một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đối phó với dư luận và vượt qua khủng hoảng, kỹ năng nhận biết và phòng tránh lừa đảo. Vậy làm thế nào để giao tiếp một cách văn minh phù hợp trên môi trường số thì chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Nhận biết và phòng tránh một số dạng lừa đảo trên không gian số

a) Mục tiêu: Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên không gian số và những biện pháp phòng tránh.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh tiếp thu, vận dụng kiến thức và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động 1: GV chia cả lớp thành nhóm, nhóm 1, 2 thảo luận tình huống 1, nhóm 3, 4 thảo luận tình huống 2, trả lời câu hỏi sau: *Trong những tình huống ấy, em hoặc người quen đã xử lý như thế nào? Giải thích vì sao lựa chọn cách đó và tìm ra nguyên tắc để phòng tránh tình huống xấu.* - GV ghi chú lại cái cách xử lý của các nhóm rồi sau đó kết luận. - GV giảng giải: Những kẻ lừa đảo thường hướng tới mục đích hưởng lợi tài chính hoặc gây ảnh hưởng tinh thần thể xác người bị hại. - GV yêu cầu HS đọc thầm thông tin ở mục 1 và trả lời câu hỏi sau: *Trình bày một số nguyên tắc nhận biết và phòng tránh lừa đảo trong không gian số.* - GV phân tích từng nguyên tắc nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian số. - GV yêu cầu HS diễn kịch sắm vai các tình huống, sau đó phân tích tình huống cụ thể về việc lừa đảo hỗ trợ kỹ thuật và áp dụng và nguyên tắc nhận biết để HS nắm rõ nguyên tắc. - Giáo viên đưa ra bài tập áp dụng: Với các tình huống nêu trong hoạt động 1, những cách nào sau đây là ứng xử cần thiết để phòng tránh những rủi ro? A. Thực hiện các yêu cầu để phòng câu	**1. Nhận biết và phòng tránh một số dạng lừa đảo trên không gian số** **a. Một số nguyên tắc nhận biết và phòng tránh lừa đảo trong không gian số.** Cần tỉnh táo, bình tĩnh tuân thủ ba nguyên tắc để nhận biết và phòng tránh lừa đảo trong không gian số: - Hãy chậm lại! - Kiểm tra ngay! - Dừng lại, không gửi!

chuyện trở nên phức tạp. B. Hãy dành thời gian và đặt câu hỏi để tránh bị dồn vào tình huống xấu. C. Trao đổi với thầy cô giáo, người thân, bạn bè… để nghe ý kiến tư vấn. D. Tiền cách liên hệ trực tiếp với người gửi để làm rõ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS chú ý quan sát, lắng nghe, rút ra kết luận. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS ghi chép nội dung chính vào vở, hỏi lại GV những điều chưa nắm rõ. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	

Hoạt động 2.2: Giao tiếp và ứng xử trong môi trường số

a) Mục tiêu: Biết được những thay đổi về chất lượng cuộc sống, phương thức học tập và làm việc trong xã hội khi mạng máy tính được sử dụng rộng rãi.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV dẫn dắt: Môi trường văn hóa của mạng xã hội và công dân số phụ thuộc nhiều nhiều hành vi của mỗi người sử dụng. Chính vì vậy việc xây dựng đúng chuẩn mực đạo đức về hành vi ứng	**2. Giao tiếp và ứng xử trong môi trường số** Cần tuân thủ các quy tắc ứng xử trong môi trường số như: 1) tôn trọng, tuân thủ pháp luật; 2) lành

xử trên mạng xã hội tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng Để tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng góp phần xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi: *+ Trình bày nội hàm của các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội.* *+ Trình bày một số điều nên làm khi tham gia mạng xã hội.* *+ Trình bày một số điều không nên làm khi tham gia mạng xã hội.* - GV tiếp nhận câu trả lời. - Giáo viên đưa ra bài tập áp dụng, yêu cầu các nhóm thảo luận để lựa chọn phương án đúng: 1. Những việc nào sau đây cần được khuyến khích khi tham gia môi trường số? A. Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trước khi đăng ký, tham gia mạng xã hội. B. Chia sẻ thông tin từ mọi người khác nhau. C. Mạng xã hội là môi trường ảo do vậy không cần quá câu nệ về câu chữ. D. Còn được sự đồng ý khi chia sẻ hình ảnh và chuyện riêng tư của bạn bè.	mạnh; 3) an toàn, bảo mật thông tin; 4) trách nhiệm

2. Những quan niệm nào sau đây là đúng? A. Mọi tin nhắn, hình ảnh và video đăng tải lên mạng đều có thể thu hồi. B. Cần nhanh chóng thông báo tới các cơ quan chức năng, nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản của tổ chức, cá nhân bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo. C. Cần phê phán các từ ngữ không mang tính phổ thông, nặng bản sắc vùng miền. D. Trong ứng xử trên mạng xã hội được phép làm mọi điều pháp luật không cấm. E. Không cho mượn, cho thuê giấy tờ cá nhân vật thẻ ngân hàng; không bán, cho mượn tài khoản; không nhận chuyển khoản hay nhận tiền cho người không quen - GV ghi nhận kết quả và chốt kiến thức. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời câu hỏi, lắng nghe, tiếp thu kiến thức. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS lắng nghe GV giảng bài, ghi chép thông tin cốt lõi cần ghi nhớ. - HS nhắc lại vai trò của Internet. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung	

mới.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức thông qua giải bài tập.

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận, trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi, thảo luận, hoàn thành bài tập sgk/48:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 48 SGK

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 4: GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

TÊN BÀI DẠY: LƯU TRỮ DỮ LIỆU VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN PHỤC VỤ QUẢN LÍ

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: ……tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết được sự cần thiết phải lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin từ dữ liệu nguyên tử cho các bài toán quản lý.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi về an toàn trên không gian mạng.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để nêu được một số nguy cơ trên mạng.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh giải thích sự cần thiết phải lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin từ dữ liệu nguyên tử cho các bài toán quản lý.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất

- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.

- Nâng cao phẩm chất đạo đức, văn hoá khi tham gia Internet.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu ra vấn đề, học sinh lắng nghe

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề: *Các công việc quản lý trong thực tế rất đa dạng: Quản lý nhân viên, tài chính, thiết bị ...tại các cơ quan. tổ chức. quản lý chỗ ngồi trên máy bay. tàu xe tại các phòng bán vé. quản lý hồ sơ bệnh án tại bệnh viện. quản lý học sinh và kết quả học tập trong các trường .*

Để quản lý kết quả học tập, như em biết, phải quản lý điểm của từng môn học bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kì, đánh giá cuối kỳ Theo em, hoạt động này có cần lưu trữ dữ liệu không? Nếu có đó là những dữ liệu gì? Để trả lời được câu hỏi đó chúng ta cần tìm hiểu bài 10.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Cập nhật dữ liệu

a) Mục tiêu: Biết được sự cần thiết phải lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin từ dữ liệu nguyên tử cho các bài toán quản lý.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh đọc hiểu và rút ra kết luận cần thiết

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi ở Hoạt động 1.	**1. Một số nguy cơ trên mạng** Cập nhật, truy xuất dữ liệu Giờ khai thác thông tin là các hoạt động thường xuyên trong công tác quản

- Từ kết quả của HS, GV giới thiệu và chốt lại: Việc ghi điểm vào sổ điểm được thực hiện thường xuyên mỗi khi có đánh giá thường xuyên giữa kỳ hay cuối kỳ. Việc ghi chép này gọi là lưu trữ dữ liệu điểm . - GV chiếu và phân tích bảng 10.1 để học sinh hiểu đây là bảng điểm môn toán lớp 11A học kì 1. - GV cho cả lớp thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: *+ Việc ghi chép để có thể sai sót nhầm lẫn, vì vậy chúng ta cần phải làm gì?* - GV chiếu và phân tích bảng 10.2 để học sinh hiểu đây là bảng điểm môn toán lớp 11A học kì 1, sau khi chỉnh sửa. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận, đưa ra câu trả lời cho hoạt động 1. - HS lắng nghe GV giảng bài, tiếp thu kiến thức. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS ghi chép nội dung chính vào vở. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	lý tùy theo yêu cầu phát sinh từ thực tiễn quản lý

Hoạt động 2.2: Truy xuất dữ liệu và khai thác thông tin

a) Mục tiêu: Biết được sự cần thiết phải lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin từ dữ liệu nguyên tử cho các bài toán quản lý.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia cả lớp thành 3 nhóm tìm hiểu về các nội dung sau: *+ Nhóm 1: Mục đích của việc lưu trữ là gì.* *+ Nhóm 2: Phân tích ví dụ để giải thích được mục đích của việc lưu trữ.* *+ Nhóm 3: Cập nhật dữ liệu là gì? Tại sao dữ liệu cần được cập nhật thường xuyên ?* *+ Nhóm 4: Phân tích ví dụ giải thích việc dữ liệu cần được cập nhật thường xuyên.* - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm nhỏ, tìm ra câu trả lời và hoàn thành bảng GV yêu cầu.. - GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn	**2. Truy xuất dữ liệu và khai thác thông tin** - Bài toán quản lý là bài toán phổ biến trong thực tế. Cần phải tổ chức lưu trữ dữ liệu để phục vụ các yêu cầu quản lý đa dạng. - Dữ liệu lưu trữ có thể được cập nhật thường xuyên, được truy xuất theo nhiều tiêu chí khác nhau để thu được các thông tin hữu ích .

(nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, giới thiệu thêm cho HS biết.	

Hoạt động 2.3: Thu thập dữ liệu tự động

a) Mục tiêu: Dùng được phần mềm phòng chống virus Windows Defender.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe và thực hành.

c) Sản phẩm: Thao tác thực hành của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Hầu hết có hoạt động quản lý tiền không đều phải nhập thủ công. Tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay rất nhiều hoạt động quản lý được thực hiện thu thập dữ liệu tự động. - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, đọc thông tin ở mục 3 sách giáo khoa để trả lời các câu: *+ Trình bày những hạn chế của việc nhập dữ liệu thủ công.* *+ Để khắc phục tình trạng nhập dữ liệu thủ công tại các siêu thị người ta đã làm gì ?* *+ Trình bày nguyên lý hoạt động của mã vạch tại các siêu thị.* *+ Trình bày lợi ích của việc thu thập dữ liệu tự động*	**3. Thu thập dữ liệu tự động** - Quản lý là hoạt động rất phổ biến. Mục đích của việc quản lý là xử lý thông tin để đưa ra quyết. Vì vậy, Việc thu thập, lưu trữ dữ liệu với ý nghĩa quan trọng hàng đầu. - Vì tôi gặp dữ liệu tự động mang lại nhiều lợi ích, không chỉ giảm bớt công suất thu thập mà còn cung cấp cả một khối lượng dữ liệu lớn giúp nâng cao hiệu quả của việc ra các quyết định cần thiết

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hành theo thao tác GV demo - GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, giới thiệu thêm cho HS biết.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài, học sinh thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 52 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa bài tập, học sinh bắt cặp đôi thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 52 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện và thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện báo cáo kết quả thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: ……. tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được khái niệm và các thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất

- Nâng cao khả năng phân tích và tư duy khái quát.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận chăm chỉ trong học tập và công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Hiểu được khái niệm và các thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu

b) Nội dung: Giáo viên nêu ra vấn đề, học sinh lắng nghe

c) Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Ở bài học trước chúng ta tiếp cận lưu trữ dữ liệu theo cách trực quan lần ghi chép dữ liệu trên giấy. Vậy Tình hình có gì khác khi chuyển việc lưu trữ dữ liệu lên máy tính? Phải chăng đó chỉ đơn giản là chuyển văn bản trên giấy thành tệp văn bản trên máy tính? Trả lời được câu hỏi đó chúng ta cần tìm hiểu bài 11*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Yêu cầu tổ chức, lưu trữ dữ liệu một cách khoa học

a) Mục tiêu: Hiểu được khái niệm và các thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu

b) Nội dung:Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc hoạt động 1 cùng nhau thảo luận và trả lời câu hỏi. - GV phân tích, dẫn dắt, đi đến lựa chọn giải thích vì sao nên lưu trữ dữ liệu trên máy tính. - GV nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào nhiệm vụ 1 - GV: Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để thực hiện Nhiệm vụ 1 trong *Phiếu học tập* - GV yêu cầu HS quan sát hình 11.3 và lên bảng vẽ lại sơ đồ mối quan hệ giữa các môđun phần mềm và các tệp dữ liệu. - Giáo viên trình bày, phân tích các mùa thu phần mềm và quan hệ với các tệp dữ liệu để cả	**1. Yêu cầu tổ chức, lưu trữ dữ liệu một cách khoa học** - Dữ liệu cần được tổ chức và lưu trữ một cách độc lập với việc xây dựng phát triển phần mềm, đảm bảo dễ dàng chia sẻ, dễ dàng bảo trì phát triển đồng thời đảm bảo hạn chế tối đa việc dữ liệu lặp lại, gây dư thừa dữ liệu và hỗ trợ đảm bảo tính nhất quán dữ liệu

lớp nắm rõ. - GV nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào nhiệm vụ 2 - GV: Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để thực hiện Nhiệm vụ 2 trong *Phiếu học tập* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ trong *Phiếu học tập* được giáo viên giao. Học sinh ghi chép kết quả thảo luận. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu có) **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	

Hoạt động 2.2: Cơ sở dữ liệu và một số thuộc tính cơ bản

a) Mục tiêu: Hiểu được khái niệm và các thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu

b) Nội dung:Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV dẫn dắt sang nội dung Cơ sở dữ liệu và một số thuộc tính cơ bản - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 2 và trả lời các câu hỏi sau:	**2. Cơ sở dữ liệu và một số thuộc tính cơ bản** - Cơ sở dữ liệu là tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau, được lưu trữ một cách có tổ chức trong hệ thống máy tính.

+ Trình bày khái niệm cơ sở dữ liệu. *+ Cho ví dụ về một cơ sở dữ liệu.* - GV: Yêu cầu HS thảo luận nhóm giải quyết Nhiệm vụ 3 trong Phiếu học tập. - GV: Chia nhóm cho học sinh thảo luận. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận, tìm ra câu trả lời. - GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, mở rộng kiến thức. - Tuyên dương những học sinh có thành tích vượt trội, động viên những học sinh có thành tích chưa được cao.	- Một số thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu bao gồm: Tính cấu trúc; tính không thừa; tính độc lập; Tính toàn vẹn; tính nhất quán; tính bảo mật và an toàn

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 57 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm,

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: GV đưa ra bài tập, yêu cầu HS hình thành nhóm, thảo luận và đưa ra kết quả.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 57 sgk.

Thư viện là nơi em có thể đến để đọc hay mượn sách. Hãy đề xuất các dữ liệu cần quản lý của một thư viện

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Vì sao việc lưu trữ dữ liệu không tách rời với việc khai thác thông tin nhờ các phần mềm ứng dụng?

2. Cho ví dụ để thấy rõ hơn sự cần thiết phải tổ chức lưu trữ dữ liệu một cách khoa học.

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Hãy giải thích yêu cầu về tính nhất quán dữ liệu trong lưu trữ dữ liệu.

2. Tại sao cần tổ chức lưu trữ dữ liệu độc lập với phần mềm?

Nhiệm vụ 3: Thảo luận nhóm và vẽ sơ đồ tư duy về một số thuộc tính cơ bản của CSDL.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Điền vào chỗ trống để được khái niệm đúng về cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu là tập hợp dữ liệu có…… với nhau, được lưu trữ một cách có tổ chức trong hệ thống máy tính.

A. kế thừa B. liên quan C. tương quan D. quan điểm

Câu 2: Đâu không phải là thuộc tính của cơ sở dữ liệu?

A. tính dư thừa B. tính cấu trúc C. tính độc lập D. tính nhất quán

Câu 3: Trình bày mối quan hệ giữa việc lưu trữ dữ liệu và việc khai thác thông tin nhờ các phần mềm ứng dụng

A. Việc lưu trữ dữ liệu không tương đương với việc khai thác thông tin nhờ cái phần mềm ứng dụng

B. Việc lưu trữ dữ liệu tương đương với việc khai thác thông tin nhờ cái phần mềm ứng dụng

C. Việc lưu trữ dữ liệu không tách rời với việc khai thác thông tin nhờ cái phần mềm ứng dụng

D. Việc lưu trữ dữ liệu tách rời với việc khai thác thông tin nhờ cái phần mềm ứng dụng

Câu 4: Điền vào chỗ trống: Dữ liệu còn được tổ chức lưu trữ một cách….. với việc xây dựng phát triển phần mềm

A. dư thừa B. cấu trúc C. độc lập D. nhất quán

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được khái niệm hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- Hiểu được khái niệm về cơ sở dữ liệu.
- Phân biệt được cơ sở dữ liệu tập trung và cơ sở dữ liệu phân tán

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời khái niệm cơ bản về website, địa chỉ website.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hiểu rõ hơn về thông tin chính trên trang web cho trước
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh Phân biệt được cơ sở dữ liệu tập trung và cơ sở dữ liệu phân tán

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất

- Khả năng tư duy logic và mô hình hóa. Nâng cao khả năng tự học.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, chăm chỉ trong học tập và công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề, HS lắng nghe..

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV dẫn dắt: *Một cơ sở dữ liệu lưu dữ liệu trên hệ thống máy tính dưới dạng các tệp có cấu trúc được thiết kế để nhiều người dùng có thể cùng khai thác dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đó. Tuy nhiên không phải tất cả người dùng đều biết về cấu trúc các tệp lưu dữ liệu và tự viết chương trình khai thác dữ liệu. Theo em có thể giải quyết vấn đề này như thế nào?*
- GV cho HS đưa ra câu trả lời của mình.
- GV ghi nhận đáp án, dẫn dắt HS vào nội dung của bài học mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Khái niệm hệ quản trị cơ sở dữ liệu

a) Mục tiêu: Hiểu được khái niệm hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc hoạt động 1 và trả lời các câu hỏi sau: *1. Theo em, một phần mềm hỗ trợ làm việc với các cơ sở dữ liệu cần thực hiện được những yêu cầu nào dưới đây?*	**1. Khái niệm hệ quản trị cơ sở dữ liệu** - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là phần mềm cung cấp phương thức để lưu trữ, cập nhật và truy xuất dữ liệu của cơ sở dữ liệu bảo mật và an toàn dữ liệu.

A. Cung cấp công cụ tạo lập CSDL. *B. Cập nhật dữ liệu và tự động kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu.* *C. Hỗ trợ truy xuất dữ liệu.* *D. Cung cấp giao diện để ai cũng có thể xem nội dung của các bảng dữ liệu một cách dễ dàng.* *2. Trình bày khái niệm hệ quản trị cơ sở dữ liệu .* - GV chia cả lớp thành 4 nhóm đọc mục 1 và trả lời các câu hỏi sau: *+ Nhóm 1: Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu .* *+ Nhóm 2: Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày nhóm chức năng cập nhật và truy xuất dữ liệu .* *+ Nhóm 3: Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày nhóm chức năng bảo mật an toán CSDL* *+ Nhóm 4: Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày nhóm chức năng giao diện lập trình ứng dụng.* - GV quan sát và hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận, đưa ra câu trả lời **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS ghi chép nội dung chính vào vở	- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu cũng cung cấp giao diện lập trình ứng dụng do các nhà phát triển ứng dụng và người dùng. - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu có các nhóm chức năng sau: + Nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu . + Nhóm chức năng cập nhật và truy xuất dữ liệu . + Nhóm chức năng bảo mật an toán CSDL + Nhóm chức năng giao diện lập trình ứng dụng.

- HS thảo luận, trình bày câu trả lời. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	

Hoạt động 2.2: Hệ cơ sở dữ liệu

a) Mục tiêu: Hiểu được khái niệm về cơ sở dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **NV1:** - GV yêu cầu HS đọc hoạt động 2 và trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2. - GV tiếp tục yêu cầu HS đọc mục 2 và trả lời câu hỏi: *+ Vì mục đích hỗ trợ nhiều người dùng các hệ QTCSDL nhiều người dùng thường xây dựng theo mô hình nào?* *+ Các hệ QTCSDL cung cấp các công cụ nào?* - GV yêu cầu HS quan sát hình 12.1 và 12.2 sau đó giáo viên phân tích từng hình cho học sinh hiểu rõ. **NV2** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn	**2. Hệ cơ sở dữ liệu** - Phần mềm ứng dụng CSDL là phần mềm được xây dựng tương tác với hệ QTCSDL Nhằm mục đích hỗ trợ người dùng khai thác thông tin từ CSDL một cách thuận tiện theo các yêu cầu xác định. - Một hệ thống gồm ba thành phần: CSDL, hệ QTCSDL Và các phần ứng dụng CSDL được gọi là một hệ CSDL.

thành NV1 trong phiếu học tập. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời những câu hỏi của GV. - HS thực hiện yêu cầu của hoạt động 2. - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	

Hoạt động 2.3: Hệ cơ sở dữ liệu tập trung nhiều phân tán

a) Mục tiêu: Phân biệt được cơ sở dữ liệu tập trung và cơ sở dữ liệu phân tán

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin ở mục 3, hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu tập. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời những câu hỏi của GV.	**3. Hệ cơ sở dữ liệu tập trung nhiều phân tán** - Hệ CSDL mà CSDL được lưu trữ tập trung trên máy tính được gọi là một hệ cơ sở dữ liệu tập trung. - Hệ CSDL phân tán cho phép người dùng truy cập dữ liệu được

- HS thực hiện yêu cầu của GV. - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	lưu trữ ở nhiều máy tính khác nhau trên mạng máy tính.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 63 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày câu trả lời của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận và đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng và tự kiểm tra trang 63 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Hãy cho biết khái niệm phần mềm ứng dụng CSDL. Cho ví dụ minh họa.

2. Em hãy cho biết hệ QTCSDL và hệ CSDL khác nhau như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Trình bày điểm khác nhau giữa hệ cơ sở dữ liệu tập trung và hệ cơ sở dữ liệu phân tán.

2. Cho biết ưu điểm của hệ cơ sở dữ liệu phân tán là gì?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ
- Hiểu được các thuật ngữ cho khái niệm liên quan: bản ghi, trường (thuộc tính), khóa, khóa chính, khóa ngoài, liên kết dữ liệu

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của GV
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để thành các nhiệm vụ GV giao
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:Phân biệt được khóa chính, khóa ngoài.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Phẩm chất:

- Khả năng tư duy logic và mô hình hóa.
- Nâng cao khả năng tự học.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, chăm chỉ trong học tập và công việc.
- **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề, HS lắng nghe..

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV dẫn dắt: *Trong bài học trước các em biết khái niệm cơ sở dữ liệu. Đã có khá nhiều mô hình cơ sở dữ liệu khác nhau. Từ những năm 1970, Edgar Frank Codd (1923 - 2003) Đã đề xuất mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ. Mô hình này nhanh chóng trở thành mô hình được dùng phổ biến nhất, nó xuất hiện trong hầu khắp các ứng dụng quản lý kể cả trong các ứng dụng thư điện tử, mạng xã hội. Vậy mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ là gì chúng ta cùng tìm hiểu bài 13*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Khái niệm cơ sở dữ liệu quan hệ

a) Mục tiêu: Hiểu được mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **NV1** - GV chia cả lớp thành 4 nhóm đọc hoạt động 1, quan sát hình 13.1 và trả lời các câu hỏi sau: *+ Nhạc sĩ sáng tác bản nhạc Trường Ca Sông Lô là nhạc sĩ nào? Nhạc sĩ sáng tác bản nhạc "Xa khơi" là nhạc sĩ nào?* *+ Bạn thu âm trong hình 13.1d tương ứng với dòng 0005 TN là bản thu âm của bản nhạc*	**1. Khái niệm cơ sở dữ liệu quan hệ** - Cơ sở dữ liệu quan hệ là cơ sở dữ liệu lưu trữ dữ liệu dưới dạng các bảng có quan hệ với nhau. - Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính giống nhau, có thể có quan hệ với nhau

nào, do ca sĩ nào thể hiện ? *+ Cơ sở dữ liệu này được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nào?* - GV nhận xét và rút ra kết luận. **NV2** - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 1 và trả lời các câu sau: *+ Mô hình dữ liệu quan hệ là gì?* *+ Cơ sở dữ liệu quan hệ là gì?* **NV3** - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận, đưa ra câu trả lời **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS ghi chép nội dung chính vào vở - HS thảo luận, trình bày câu trả lời. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	được gọi là mô hình dữ liệu quan hệ.

Hoạt động 2.2: Một số thuật ngữ, khái niệm liên quan

a) Mục tiêu: Hiểu được các thuật ngữ cho khái niệm liên quan: bản ghi, trường (thuộc tính), khóa, khóa chính, khóa ngoài, liên kết dữ liệu

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **NV1:** - Giáo viên chia cả lớp thành 4 nhóm để hoàn thành nhiệm vụ 2 trong Phiếu học tập - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần. **NV2** - GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi sau? *+ Hãy chỉ ra khóa chính của bản ca sĩ và bảng bản nhạc.* *+ Hãy chỉ ra khóa ngoài của bảng bản nhạc và bảng bản thu âm* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời những câu hỏi của GV. - HS thực hiện yêu cầu của hoạt động 2. - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	**2. Một số thuật ngữ, khái niệm liên quan** **a. Bản ghi, trường** - Bản ghi (record) là tập hợp các thông tin từ một đối tượng cụ thể được quản lý trong bảng. Mỗi cột trong bảng được gọi là trường (field) thể hiện thuộc tính của đối tượng được quản lý trong bảng. **b. Khóa chính** - Trong một bảng có nhiều khóa, có thể chọn một khóa bất kỳ là khóa chính; Tuy nhiên người ta thường chọn khóa bao gồm ít trường nhất là có chính; Lý do là vì thường phải tìm kiếm dữ liệu trong khóa chính **c. Khóa ngoài** - Khóa ngoài của một bảng là trường hay nhóm trường làm khóa chính ở một bảng khác. **d. Liên kết dữ liệu** - Có thể dùng khóa ngoài của bảng để thực hiện ghép nối dữ liệu hai bảng với nhau. Người ta gọi việc ghép nó như thế là liên kết dữ liệu theo khóa.

	e. Các trường và dữ liệu - Mỗi trường trong một bảng cần xác định là sẽ lưu trữ dữ liệu có kiểu gì, phạm vi lưu trữ ra sao, Nhằm mục đích hạn chế việc lãng phí dung lượng lưu trữ dữ liệu và có thể kiểm soát tính đúng đắn về logic của dữ liệu được nhập vào bảng.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 68 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày câu trả lời của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận và đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 68 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Hãy chỉ ra các cột của bảng Bản nhạc

2. Bảng bản thu âm và bảng ca sĩ có chung thuộc tính nào?

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau đây:

Nhóm 1: Trình bày những hiểu biết của em về bản ghi, trường.

Nhóm 2: Trình bày những hiểu biết của em về khóa chính, khóa ngoài.

Nhóm 3: Trình bày những hiểu biết của em về liên kết dữ liệu.

Nhóm 4: Trình bày những hiểu biết của em về các trường và dữ liệu

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: SQL -NGÔN NGỮ TRUY VẤN CÓ CẤU TRÚC

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được ở mức nguyên lý: cơ sở dữ liệu và các bảng được tạo lập, được thêm mới, cập nhật và truy xuất dữ liệu qua SQL

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của GV.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ GV đưa ra
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tạ lập, thêm mới, cập nhật, truy xuất dữ liệu.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

- Khả năng tư duy logic và mô hình hóa.
- Nâng cao khả năng tự học.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, chăm chỉ trong học tập và công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh quan sát website và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV dẫn dắt: *Có bài học trước xem đã biết QTCSDL Với vai trò là một bộ phần mềm hỗ trợ khởi tạo, cập nhật, truy xuất CSDL để người dùng có thể cập nhật truy xuất CSDL. Ngày nay người ta thực hiện công việc đó chủ yếu tthông qua ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc SQL. Sự khác biệt của việc sử dụng SQL so với việc truy xuất dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình là gì chúng ta cùng tìm hiểu ở bài 14.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Lợi ích của ngôn ngữ truy vấn

a) Mục tiêu: Hiểu được sự khác nhau giữa việc lập trình khi xuất trực tiếp các tệp dữ liệu với việc sử dụng ngôn ngữ truy vấn và khó khái niệm ban đầu về SQL

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **NV1** - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở hoạt động 1, và trả lời câu hỏi: Sự khác biệt cơ bản trong các truy vấn nhờ ngôn ngữ truy vấn so với lập trình trực tiếp là gì? - Từ kết quả HĐ1, GV trình bày Sự khác biệt cơ bản trong các truy vấn nhờ ngôn ngữ truy vấn so với lập trình trực tiếp.	**1. Lợi ích của ngôn ngữ truy vấn** - SQL được phát triển từ những năm 1970, ngày nay trở thành ngôn ngữ được sử dụng hết sức phổ biến mà hầu hết tất cả quản trị cơ sở dữ liệu đều hỗ trợ. - SQL có 3 thành phần là DDL, DML, DCL. - Ngoài việc hỗ trợ SQL, các hệ

NV2 - GV Yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 1 và trả lời các câu hỏi sau.: *+ SQL được phát triển từ những năm nào?* *+ SQL có bao nhiêu thành phần? Kể tên.* *+ Ngoài việc hỗ trợ SQL, các hệ QTCSDL còn có vai trò gì?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ 1, 2 - HS lắng nghe GV giảng bài, ghi chép nội dung chính. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả sau khi thực hiện nhiệm vụ 1, 2. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	QTCSDL còn cung cấp giao diện lập trình ứng dụng dưới dạng các phương thức mà người lập trình có thể sử dụng để gửi các câu truy vấn đến hệ QTCSDL và nhận về kết quả.

Hoạt động 2.2: Khởi tạo CSDL

a) Mục tiêu: Hiểu được ở mức nguyên lý: cơ sở dữ liệu và các bảng được tạo lập, được thêm mới.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình bày: Thành phần DDL của SQL cung cấp các câu truy vấn khởi tạo CSDL khởi	**2. Khởi tạo CSDL** - Để tạo một CSDL trước hết phải thực hiện câu truy vấn yêu

tạo bảng thiết lập khóa. - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS quan sát bảng 14.1, 14.2 và hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. - GV giải thích ý nghĩa từng dòng lệnh ở ví dụ SGK/70 - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau: *+ Hãy viết câu truy vấn tạo bảng ca sĩ như đã mô tả trong bài 11 với tên bản làng casi.* *+ Hãy viết câu truy vấn thêm khóa chính Sid cho bản casi* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện yêu cầu của hoạt động 2. - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	cầu tạo lập CSDL: CREATE DATABASE Tên _CSDL; Tên CSDL chỉ gồm các ký tự La tinh và chữ số, không chứa kí tự trống và các ký tự đặc biệt. - Sau khi đã tạo CSDL Có thể thực hiện các câu truy vấn tạo bảng dữ liệu với mô tả đầy đủ và cấu trúc của bảng: Tên bảng, danh sách các tên trường và kiểu dữ liệu tương ứng. Tên bảng và tên Trường cũng tuân thủ quy tắc đặt tên đối với tên CSDL. CREATE TABLE Tên _bảng (DS các tên trường và kiểu DL); - Có thể sửa chữa, thay đổi cấu trúc của bảng, thêm khóa chính, khóa ngoài với câu truy vấn ALTER: ALTER TABLE Tên _bảng yêu cầu thay đổi; Trông nó yêu cầu thay đổi có thể là thêm một đường với kiểu dữ liệu xác định hay thêm khóa

	chính, khóa ngoài

Hoạt động 2.3: Cập nhật và truy xuất dữ liệu

a) Mục tiêu: Hiểu được ở mức nguyên lý: cập nhật và truy xuất dữ liệu qua SQL

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Thành phần DML của SQL cung cấp các câu truy vấn cập nhật và truy xuất dữ liệu. - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS quan sát bảng 14.3, 14.4 và hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập. - GV giải thích ý nghĩa từng dòng lệnh ở ví dụ SGK/71. - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau: *+ Hãy viết câu truy vấn lấy tất cả các dòng của bản nhacsi.* *+ Hãy viết câu truy vấn thêm các dòng cho bảng casi với các giá trị là ('TK','Nguyễn Trung Kiên'), ('QD','Quý Dương'), ('YM','Y Moan').* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	**3. Cập nhật và truy xuất dữ liệu** - Câu truy vấn xuất dữ liệu SELECT <dữ liệu cần lấy> FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện chọn> ORDER BY <tên trường> INNER JOIN - Câu truy vấn cập nhập dữ liệu (thêm mới, xóa, sửa chữa) INSERT INTO <tên bảng> VALUES <DS giá trị> DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện> UPDATE <tên bảng> SET <tên trường> = <giá trị>

- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động 3. - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	

Hoạt động 2.4: Kiểm soát quyền truy cập

a) Mục tiêu: Giới thiệu cấu trúc các câu truy vấn kiểm soát Quyền truy cập dữ liệu của người dùng

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Thành phần DCL của SQL cung cấp các câu truy vấn kiểm soát quyền người dùng đối với cơ sở dữ liệu - GV trình bày, phân tích bảng 14.5. - GV giải thích ý nghĩa từng dòng lệnh ở ví dụ SGK/72 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện yêu cầu của hoạt động 4.	**4. Kiểm soát quyền truy cập** - Chỉ có hai câu truy vấn: Cấp quyền (GRANT) và thu hồi (REVOKE)

- HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	

-

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 72 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 72 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, thảo luận làm bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS báo cáo kết quả

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn đáp án, nhắc nhở HS chuẩn bị nội dung cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng sau:

Nhóm 1, 2

Câu truy vấn DDL	Ý nghĩa
CREATE DATABASE	
CREATE TABLE	
ALTER TABLE	
PRIMARY KEY	
FOREIGN KEY …. REFERENCES…	

Nhóm 3, 4

Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
CHAR (n) hay CHARACTER (n)	
VARCHAR (n)	
BOOLEAN	
INT HAY INTEGER	
REAL	
DATE	
TIME	

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng sau:

Nhóm 1, 2

Câu truy xuất dữ liệu	Ý nghĩa từng dòng
SELECT <dữ liệu cần lấy> FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện chọn> ORDER BY <tên trường> INNER JOIN	

Nhóm 3, 4

Câu truy vấn cập nhật dữ liệu	Ý nghĩa
INSERT INTO <tên bảng> VALUES <DS giá trị>	
DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>	
UPDATE <tên bảng> SET <tên trường> = <giá trị>	

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: BẢO MẬT VÀ AN TOÀN HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được tầm quan trọng và một số biện pháp bảo vệ hệ CSDL

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của GV.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các bài tập nhóm mà GV đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải thích được tầm quan trọng và một số biện pháp bảo vệ hệ CSDL

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

- Khả năng tư duy logic và mô hình hóa.
- Nâng cao khả năng tự học.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, chăm chỉ trong học tập và công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề: *Mỗi hệ cơ sở dữ liệu đều được xây dựng với mục đích xác định nhằm phục vụ một hệ thống quản lý như hệ thống bán vé máy bay, đặt chỗ khách sạn ,quản lý bệnh án ở bệnh viện, quản lý kết quả học tập, quản lý website mạng xã hội ... Từng có nhiều thông tin về việc những khối lượng lớn dữ liệu bị đánh cắp, những tài khoản người dùng mạng xã hội bị gán những phát biểu sai trái... Tình trạng này xảy ra một phần do các hệ cơ sở dữ liệu liên quan chưa được bảo vệ đủ tốt. Cần phải làm gì để đảm bảo an ninh an toàn cho các hệ cơ sở dữ liệu?*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Bảo mật hệ CSDL

a) Mục tiêu: Nếu được những vấn đề liên quan đến công tác bảo mật dữ liệu

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn học sinh thảo luận về toán website âm nhạc để nhận ra có những nhóm người dùng khác nhau. - Từ những điều đã phân tích giáo viên hỏi: *Nhóm nào là nhóm người dùng tham gia quản lý website* - GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận các câu hỏi sau: *+ Người ở nhóm 4 có thể can thiệp vào các cơ*	**1. Bảo mật hệ CSDL** Công tác bảo mật CSDL Cần được thực hiện với một chính sách bảo mật toàn diện bao gồm: + Quy định liên quan đến ý thức và trách nhiệm của người dùng đối với tài khoản của mình và dữ liệu trong CSDL. + Quy định về tổ chức đảm bảo an ninh mạng cùng với hệ thống

sở dữ liệu khác được quản trị trong cùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu không? *+ Vì sao nói điều đảm bảo an ninh cơ sở dữ liệu phụ thuộc vào ý thức của người dùng?* *+ Công tác bảo mật cơ sở dữ liệu cần được thực hiện với một số chính sách bảo mật toàn diện như thế nào* *+ Nêu tóm tắt các quyền của các tài khoản moderator và admin.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV giảng bài, ghi chép nội dung chính. - HS thảo luận nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS nêu câu trả lời - HS cử đại diện đứng lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, và chuyển sang nội dung tiếp theo.	phần cứng và phần mềm cụ thể. + Danh sách các nhóm người dùng và danh sách tài khoản truy xuất CSDL với quyền hạn tương ứng. + Biện pháp giám sát trạng thái hoạt động của hệ thống người dùng. Có những quy định về làm biên bản lưu trữ hoạt động của hệ thống và kế hoạch xử lý những tình huống có thể xảy ra .

Hoạt động 2.2: Bảo đảm an toàn dữ liệu

a) Mục tiêu: Hiểu được tầm quan trọng và một số biện pháp bảo vệ hệ CSDL

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi ở hoạt động 2: *Hãy nêu một vài sự cố có thể xảy ra và cách hạn chế khắc phục các sự cố này.* - GV yêu cầu HS trình bày các sự cố có thể xảy ra. - GV giải thích, phân tích từng sự cố cho HS hiểu. - GV mở rộng: Tùy theo những yêu cầu cụ thể của mỗi tổ chức, đặc điểm về cơ sở dữ liệu để xây dựng những chính sách đảm bảo an toàn dữ liệu. Trong đó cần quan tâm tới cái sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế khắc phục. Chính sách này cũng phải bao gồm những quy định về ý thức trách nhiệm đối với người vận hành hệ thống - GV đặt câu hỏi: *Vì sao cần phải sao lưu dữ liệu định kỳ?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. - HS suy nghĩ câu hỏi, tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định**	**2. Bảo đảm an toàn dữ liệu** - Để đảm bảo an toàn dữ liệu cần xây dựng chính sách an toàn dữ liệu cùng kế hoạch xử lý các sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục. Chính sách an toàn dữ liệu cũng phải bao gồm những quy định về ý thức. trách nhiệm đối với người dùng và người vận hành hệ thống. - Các hệ QTCSDL Đều hỗ trợ chức năng sao lưu định kỳ và phục hồi dữ liệu từ bảng sao lưu gần nhất .

- GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang76 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày câu trả lời trước lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận và đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 76 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 5: HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC

TÊN BÀI DẠY: CÔNG VIỆC QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được các công việc cần thực hiện cùng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị cơ sở dữ liệu, các ngành học có liên quan và nhu cầu xã hội đối với công việc quản trị cơ sở dữ liệu.
- Có thể tìm kiếm, khai thác và trao đổi thông tin hướng nghiệp liên quan đến công việc quản trị cơ sở dữ liệu

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên hoàn thành sản phẩm
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để cùng các bạn hoàn thành sản phẩm GV yêu cầu
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm, khai thác và trao đổi thông tin hướng nghiệp liên quan đến công việc quản trị cơ sở dữ liệu

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;*
- *NLd: Ứng dụng CNTT và truyền thông trong học và tự học.*

3. Phẩm chất:

- Biết tìm kiếm thông tin về nghề quản trị cơ sở dữ liệu.
- Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập.
- Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề: *Trong các tổ chức chỉ có sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý các sản xuất lớn, mỗi cơ sở dữ liệu có thể gồm rất nhiều bảng và những quan hệ phức tạp. Không phải ai cũng biết rõ của sở dữ liệu của đơn vị mình, ngay cả với những nhân viên tin học nếu không tìm hiểu chi tiết. Vậy làm thế nào để có thể vận hành, duy trì cho các cơ sở dữ liệu hoạt động thông suốt luôn sẵn sàng đáp ứng được nhu cầu khai thác? Có cần những cán bộ chuyên trách quản trị cơ sở dữ liệu không? Chúng ta cùng tìm hiểu ở bài 16*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Nhà quản trị cơ sở dữ liệu

a) Mục tiêu: Hiểu được các công việc cần thực hiện cùng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị cơ sở dữ liệu, các ngành học có liên quan và nhu cầu xã hội đối với công việc quản trị cơ sở dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV Yêu cầu HS đọc thông tin ở hoạt động 1, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi sau: *Nếu*	**1. Nhà quản trị cơ sở dữ liệu** Quản trị CSDL được hoạt động nhằm đảm bảo cho việc sử dụng

hoạt động cơ bản là khai thác các cơ sở dữ liệu phục vụ ứng dụng tin học thì theo em hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu tương ứng gồm những công việc gì? - GV tiếp tục yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 1 và trả lời một số câu hỏi sau đây: *+ Quản trị CSDL có mục đích gì?* *+ Quản trị CSDL là gì?* *+ Quản trị CSDL có nhiệm vụ gì?* - GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận các câu hỏi sau: *+ Nhóm 1: Trình bày nhiệm vụ cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL.* *+ Nhóm 2: Trình bày nhiệm vụ tạo lập và điều chỉnh CSDL.* *+ Nhóm 3: Trình bày nhiệm vụ đảm bảo tài nguyên cho các hoạt động CSDL.* *+ Nhóm 4: Trình bày nhiệm vụ đảm bảo an toàn, bảo mật* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV giảng bài, ghi chép nội dung chính. - HS dự đoán hoạt động 1, sau đó thảo luận nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	CSDL thông suốt và hiệu quả. Quản trị CSDL của các nhiệm vụ: + Cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL. + Tạo lập và điều chỉnh CSDL. + Đảm bảo tài nguyên cho các hoạt động CSDL. + Đảm bảo an toàn, bảo mật

- HS nêu câu trả lời - HS cử đại diện đứng lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, và chuyển sang nội dung tiếp theo.	

Hoạt động 2.2: Phẩm chất và năng lực của nhà quản trị CSDL

a) Mục tiêu: Hiểu được các công việc cần thực hiện cùng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị cơ sở dữ liệu, các ngành học có liên quan và nhu cầu xã hội đối với công việc quản trị cơ sở dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi ở hoạt động 2: *+ Căn cứ vào công việc thực hiện để quản trị cơ sở dữ liệu. Em hãy đề xuất những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần có của nhà quản trị cơ sở dữ liệu* *+ Có thể học kiến thức và rèn luyện kỹ năng quản trị cơ sở dữ liệu ở đâu?* - GV giải thích, phân tích nội dung từng câu để học sinh hiểu rõ. - GV mở rộng: Để trở thành nhà quản trị cơ sở dữ liệu tốt cần được học kiến thức một cách	**2. Phẩm chất và năng lực của nhà quản trị CSDL** - Nhà quản trị cơ sở dữ liệu cần có kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, biết thiết kế cơ sở dữ liệu và sử dụng thành thạo hệ quản trị cơ sở dữ liệu. - Tính cách tỉ mỉ cẩn thận kiên nhẫn kỹ năng phân tích rất cần thiết với nhà quản trị cơ sở dữ liệu khi phải xử lí tình huống. - Khả năng học tập suốt đời giúp nhà quản trị cơ sở dữ liệu nâng

bài bản ở các trường Đại học chuyên ngành, rèn luyện kỹ năng trong các khóa học nghề nghiệp về quản trị cơ sở dữ liệu, về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể và rèn luyện trong công việc thực tế **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. - HS suy nghĩ câu hỏi, tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	cao bản lĩnh nghề nghiệp - Để trở thành nhà quản trị cơ sở dữ liệu tốt cần được học kiến thức một cách bài bản ở các trường Đại học chuyên ngành, rèn luyện kỹ năng trong các khóa học nghề nghiệp về quản trị cơ sở dữ liệu, về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể và rèn luyện trong công việc thực tế

Hoạt động 2.3: Cơ hội việc làm

a) Mục tiêu: Có thể tìm kiếm, khai thác và trao đổi thông tin hướng nghiệp liên quan đến công việc quản trị cơ sở dữ liệu

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi ở hoạt động 3: *Em hãy sử dụng cụm từ khóa*	**3. Cơ hội việc làm** - Nhu cầu nhân lực quản trị cơ sở dữ liệu tăng theo nhu cầu phát

tuyển dụng quản trị cơ sở dữ liệu *để tìm kiếm thông tin trên mạng về nhu cầu tuyển dụng liên quan tới công việc quản trị cơ sở dữ liệu.* * GV lưu ý khi dùng máy tìm kiếm, Google không đặt từ khóa trong dấu nháy kép để không bị hiểu nhầm là tìm chính xác - GV giải thích lý do để nghề quản trị cơ sở dữ liệu được trọng dụng - GV mở rộng: Điều quan trọng nhất nếu chọn nghề quản trị cơ sở dữ liệu, chúng ta nên theo học chuyên ngành để có các kiến thức cơ bản ở các cơ sở đào tạo và trau dồi kỹ năng ở các trung tâm đào tạo nghề nghiệp hay các công ty. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe GV giảng bài, ghi chép ý chính vào vở. - HS suy nghĩ câu hỏi, tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp - HS nhắc lại để ghi nhớ lại kiến thức. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn kiến thức, kết luận nội dung bài học.	triển của các ứng dụng tin học sử dụng cơ sở dữ liệu - Có thể tìm được rất nhiều địa chỉ tuyển dụng nhờ công cụ tìm kiếm trên Internet.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận, trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 80 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện các thao tác để hoàn thành sản phẩm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS đứng lên trình bày sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức bài thực hành.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận và đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 80 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 6: THỰC HÀNH TẠO VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

TÊN BÀI DẠY: QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU TRÊN MÁY TÍNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết được lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính.
- Làm quen với MySQL và HeidiSQL - Bộ công cụ hỗ trợ việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để nêu được khái niệm ngôn ngữ lập trình bậc cao và ngôn ngữ lập trình bậc cao Python.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm ụ trong phiếu học tập
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:Giải thích lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu câu hỏi, học sinh trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi: *Trở lại với các bài toán quản lý điểm, quản lý bản Thu âm (ở bài 10 đến bài 15) các em có nhận xét so sánh gì về việc cập nhật chủ của dữ liệu giữa quản lý thủ công và quản lý cơ sở dữ liệu trên máy tính?*
- HS trả lời
- Giáo viên ghi nhận lại kết quả và kiểm chứng sau tiết học

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính

a) Mục tiêu: Biết được lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và đọc 1 và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. - GV giảng giải: Trước khi có máy tính, việc quản lý cơ sở dữ liệu thủ công rất vất vả và khó kiểm soát, đòi hỏi nhiều công sức đặc biệt là	**1. Lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính** - Việc ứng dụng cơ sở dữ liệu trong quản lý đem lại nhiều lợi ích to lớn: Tiện lợi, kịp thời, nhanh chóng, hạn chế sai sót

những dữ liệu không được phép sai sót từ rất nhỏ. Vì vậy việc ứng dụng cơ sở dữ liệu trên máy tính đã được thực hiện một cách phổ biến ở hầu khắp các hoạt động quản lý kinh tế xã hội. - GV yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV giảng bài, ghi chép nội dung chính. - HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết luận.	

Hoạt động 2.2: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và phần mềm HeidiSQL

a) Mục tiêu: Làm quen với MySQL và HeidiSQL - Bộ công cụ hỗ trợ việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thông tin mục 2 trong sgk, trả lời các câu hỏi sau:	**2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và phần mềm HeidiSQL** MySQL và HeidiSQL Và các

+ Hãy sử dụng từ khóa "hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến" để tìm kiếm thông tin trên Internet và trả lời câu hỏi "Nếu được lựa chọn em sẽ chọn hệ QTCSDL nào để đáp ứng được các tiêu chí nhiều người dùng và là hệ QTCSDL miễn phí"? *+ Những thao tác nào là thao tác làm việc với cơ sở dữ liệu?* *+ Để làm việc được với có dữ liệu chúng ta cần phải có những gì?* - GV chia lớp thành 4 nhóm, đọc thông tin ở mục 2A để hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập. - Các nhóm tiếp tục quan sát từng thao tác GV thực hành và thực hiện theo. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc thông tin, tìm ra câu trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày câu trả lời của mình trước lớp **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	phần mềm mã nguồn mở được nhiều người dùng để quản trị các cơ sở dữ liệu **a. Cài đặt và làm việc với My SQL** Tải: Truy cập trang dev.mysql.com/downloads/mysql/ để tải. Cài đặt: B1: Chạy mysql-installer-community-8.0.11.0.msi. Nháy Ok để tiếp tục. b2: Nếu máy tính kết nối internet thì có thể yêu cầu nâng cấp máy SQL Installer. bỏ qua lựa chọn bằng cách chọn No. B3: Chấp nhận các điều khoản về giấy phép sử dụng phần mềm máy SQL B4: Chọn kiểu cài đặt. B5: Ấn định thu một cài đặt MySQL. B6: Nháy chọn Execute để cài đặt. B7: Khi quá trình cài đặt hoàn tất sẽ có thông báo hoàn thành nhấn Next để tiếp tục .

	B8: nếu Status là Ready to Configure thì chọn Next B9: Chọn Standalone MySQL Server… -> Chọn Next B10: Chọn kiểu Server B11: Tạo mật khẩu, chọn phương pháp mã hóa B12: Chỉ định MySQL như một dịch vụ của Windows và khởi động cùng Windows, chọn next B13: Bỏ qua việc cài đặt Plugin. Chọn next B14: Chọn Execute -> next B15: Truy cập MySQL **b. Phần mềm HeidiSQL** - HeidiSQL Là phần mềm thay cho mysql.exe để truy cập vào máy SQL với giao diện đồ họa - Tải: Truy cập trang www.heidisql.com/download.php

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài tập luyện tập trang 85 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày câu trả lời trước lớp.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 85 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

Hãy nêu vài ví dụ thực tế minh họa về việc sử dụng quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính và những lợi ích mà nó mang lại

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

+ Truy cập vào trang nào để làm quen với MySQL?
+ Trình bày thao tác cài đặt và làm việc với MySQL

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC BẢNG VÀ CÁC TRƯỜNG KHÓA

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Có được hình dung về công việc xác định các bảng dữ liệu, cấu trúc của chúng và các trường hóa trước khi bước vào tạo lập cơ sở dữ liệu

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành được các nhiệm vụ của GV đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Ở bài 13, các em phần nào đã thấy được lợi ích của việc tổ chức cơ sở dữ liệu của website âm nhạc với nhiều bảng mà không phải là một phản với đầy đủ tất cả các thông tin về mỗi bản thu âm. Tuy nhiên, làm thế nào để từ yêu cầu ban đầu (Quản lý danh sách các bảng thu âm với đầy đủ thông tin tên bản nhạc tên nhạc sĩ tên ca sĩ) người ta có thể đi đến được cơ sở dữ liệu với các bảng như đã trình bày ở bài 13. Để trả lời được câu hỏi đó chúng ta cùng tìm hiểu bài 18

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Xác định các bảng dữ liệu, cấu trúc của chúng và các trường khóa cho cơ sở dữ liệu của một website âm nhạc

a) Mục tiêu: Có được hình dung về công việc xác định các bảng dữ liệu, cấu trúc của chúng và các trường hóa trước khi bước vào tạo lập cơ sở dữ liệu

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình bày các quy ước theo sách giáo khoa trang 86 - GV yêu cầu HS quan sát bảng 18.1 để trả lời một số câu hỏi: *+ Những bản nhạc nào có hai bản thu âm?*	**Xác định các bảng dữ liệu, cấu trúc của chúng và các trường khóa cho cơ sở dữ liệu của một website âm nhạc** HS thực hành theo hướng dẫn của GV **1. Xem xét bài toán**

+ Nhạc sĩ nào có nhiều bản nhạc được thu âm? *+ Ca sĩ Lê Dung thể hiện bao nhiêu bản thu âm?* - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 2 và thực hiện đưa ra danh sách các dữ liệu phải lưu trữ viết thành dãy. - GV tổng kết, đưa ra danh sách các dữ liệu cần lưu trữ viết thành dãy. - GV lưu ý: Phân tích để sắp xếp lại để hạn chế lượng sự lặp lại - GV chia 4 nhóm, đọc thông tin mục 3, cho HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: *+ Nếu cần sửa tên bản nhạc Trường Ca Sông Lô ở bảng 18.1 cần sửa ở những dòng nào? Phải sửa mấy lần? Nếu hai lần sự khác nhau thì dữ liệu còn nhất quán không?* *+ Với cách tổ chức cơ sở dữ liệu thành một bản như trên, cần sửa tên bản nhạc ở bảng nào? Phải sửa mấy lần ?* - Gv lưu ý ở mục 4: Ở bảng nhacsi, cặp (tenBannhac, idNhacsi) là không được trùng lặp. Trong bảng banthuam cặp(idbannhac, idCasi) cũng không được trùng lặp. - Gv lưu ý ở mục 5: Để đơn giản các trường khóa chính chọn kiểu dữ liệu nguyên, tự động tăng(khi dữ liệu được thêm mới), các trường khóa ngoài kiểu dữ liệu nguyên. Các trường tên ca sĩ, Tên Nhạc Sĩ, tên bản nhạc chọn kiểu dữ liệu xâu kí tự độ dài tối đa 255 ký tự	Mỗi bản thu âm có các thông tin: tên bản nhạc nhạc sĩ và ca sĩ thể hiện **2. Xác định cấu trúc bảng** Danh sách các dữ liệu cần lưu trữ dưới dạng mô tả một bạn có các trường dữ liệu với các tên gọi cụ thể: banthuam (idBanthuam, tenBannhac, tenNhacsi , tenCasi) Trong đó trường idBanthuam là trường khóa chính . **3. Tổ chức lại bảng dữ liệu** - Cơ sở dữ liệu sau khi tổ chức lại gồm bốn bảng như sau: casi (idCasi, tenCasi) nhacsi (idNhacsi, tenNhacsi) bannhac (idBannhac, tenBannhac, idNhacsi) banthuam(idBanthuam, idBannhac, idCasi) **4. Các loại khóa** - Mỗi bảng có một khóa chính. - Khóa ngoài của các bảng: bannhac, banthuam

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	**5. Về các kiểu dữ liệu của các trường** Để đơn giản các trường khóa chính chọn kiểu dữ liệu nguyên, tự động tăng(khi dữ liệu được thêm mới), các trường khóa ngoài kiểu dữ liệu nguyên. Các trường tên ca sĩ, Tên Nhạc Sĩ, tên bản nhạc chọn kiểu dữ liệu xâu kí tự độ dài tối đa 255 ký tự

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 90 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 90 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH TẠO LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CÁC BẢNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết tạo mới một cơ sở dữ liệu thực hiện thông qua giao diện của phần mềm khách quản trị CSDL HeidiSQL
- Tạo được các bảng không có khóa ngoài, chỉ định được khóa chính cho mỗi bảng, khóa cấm trùng lặp cho những trường không được có giá trị trùng lặp

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành được các nhiệm vụ của GV đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Điều đầu tiên để làm việc với một cơ sở dữ liệu là tạo lập. Với HeidiSQL, việc tạo lập CSDL và các bảng đơn giản được thực hiện như thế nào?
- HS tiếp nhận câu hỏi, xung phong đứng dậy trả lời.
- Từ câu trả lời của HS, GV nhận định: Vậy để biết lệnh nhập dữ liệu input() có cú pháp và chức năng như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Tạo lập cơ sở dữ liệu mới tên là mymusic, khởi tạo bảng nhacsi, khai báo các khóa cho bảng này như thiết kế ở bài 18

a) Mục tiêu:

- Biết tạo mới một cơ sở dữ liệu thực hiện thông qua giao diện của phần mềm khách quản trị CSDL HeidiSQL
- Tạo được các bảng không có khóa ngoài, chỉ định được khóa chính cho mỗi bảng, khóa cấm trùng lặp cho những trường không được có giá trị trùng lặp

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thao tác thực hành để các nhóm thực hiện theo.	**1. Tạo lập cơ sở dữ liệu mới tên là mymusic, khởi tạo bảng nhacsi, khai báo các khóa cho bảng này như thiết kế ở bài 18**

- GV lưu ý mục tạo lập CSDL mymusic: Giống như tên biến trong việc lập chương trình tên CSDL không được chứa các kí tự đặc biệt, gồm gồm kí tự trống và kí tự tiếng việt. - GV lưu ý mục tạo lập bảng: Giống như tên biến trong việc lập chương trình tên các bảng và các trường không được chứa các kí tự đặc biệt, gồm gồm kí tự trống và kí tự tiếng việt. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	Các nhóm thực hành theo hướng dẫn của GV. **1. Tạo lập CSDL mymusic** - Nháy chuột phải ở vùng danh sách các cơ sở dữ liệu đã có chọn thẻ tạo mới, Chọn cơ sở dữ liệu. Nhập mymusic, chọn OK. - Bộ mã ký tự mặc định là Unicode 4 byte: utf8mb4, Đối chiếu so sánh sau theo utf8mb4_general_ci - Ở vùng mã lệnh phía dưới sẽ thấy xuất hiện câu truy vấn SQL tương ứng. **2. Tạo lập bảng** **a. Khai báo tạo lập bảng, các trường và kiểu dữ liệu** - Tạo bảng nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi), idNhacsi kiểu INT, tenNhac si kiểu VARCHAR(255). - Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các cơ sở dữ liệu đã có chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng. Nhập tên: nhacsi, chọn Thêm mới để thêm trường. - Nhập tên: idNhacsi, chọn KDL

	INT, bỏ đánh dấu Allow NULL. - Chọn AUTO_INCREMENT, dưới nhãn Mặc định và chọn OK. - Để thêm khai báo trường tiếp theo nháy nút phải chuột vào phần dưới dòng idNhacsi -> chọn Add colum hoặc nhấn Ctrl+Insert. **b. Khai báo Khóa chính** - Ấn định idNhacsi là khóa chính. **c. Lưu kết quả** - Chọn lưu để lưu lại

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 94 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 94 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH TẠO LẬP CÁC BẢNG CÓ KHÓA NGOÀI

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: ……tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách tạo mới các bảng có khóa ngoài.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành được các nhiệm vụ của GV đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Các em đã biết, khóa ngoài có tác dụng liên kết dữ liệu giữa các bảng. Khi tạo bảng có khóa ngoài, việc thiết lập khóa ngoài được thực hiện như thế nào?*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Tạo lập bảng bannhac với cấu trúc

a) Mục tiêu: Biết và trình bày được các phép toán với kiểu dữ liệu logic.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thao tác thực hành để các nhóm thực hiện theo. - GV kiểm tra về chắc chắn trên tất cả máy của HS đã có CSDL mymusict và bảng Nhạc sĩ. Nếu chưa có yêu cầu học sinh tạo lập. - Nội dung khai báo bảng, các trường của bảng và khai báo khóa chính đã được thực hiện ở bài trước. GV gọi 1 HS thao tác lại: khai báo bảng bannhac, cac1 trường và khóa chính. - GV theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh thao tác của các HS. - Vào TH khai báo khóa chống trùng lặp, GV	**Tạo lập bảng bannhac với cấu trúc** Các nhóm thực hành theo hướng dẫn của GV. **1. Khai báo bảng bannhac với các trường idBannhac, tenBannhac** - Chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng. Nhập tên bản nhạc, chọn thêm mới - Nhập tên: idBannhac. - Để thêm khai báo trường tiếp theo nháy nút phải chuột vào

thực hiện trực tiếp từng thao tác. - GV kiểm tra thao tác và tiến độ của từng HS, sửa lỗi từng thao tác. - Vào TH khai báo khóa ngoài: GV thực hiện trực tiếp từng thao tác. - GV kiểm tra thao tác và tiến độ của từng HS, sửa lỗi từng thao tác. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần. - GV nhấn mạnh ở mục khai báo bảng bản nhạc với các trường idBannhac, tenBannhac: Việc khai báo tên bảng, các trường idBannhac, tenBannhac là tương tự khai báo bảng nhacsi ở bài trước. - GV nhấn mạnh ở mục khai báo các trường là khóa ngoài: Chú ý KDL của idNacsi đúng với kiểu của idNhacsi trong bảng nhacsi, nhưng không phải tự động tăng giá trị. - GV nhấn mạnh ở mục khai báo các trường khóa: Khai báo chống trùng lặp cho cặp (tenBannhac, idNhacsi) và khai báo khóa ngoài. Khi khai báo khóa chống trùng lặp phải đánh dấu cả hai trường tenBannhac, idNhacsi trước khi nhấp chuột phải chọn khóa UNIQUE. Lưu ý nếu kiểu khai báo của Trường idNhacsi trong bảng bannhac khác với kiểu của trường idNhacsi trong bảng nhacsi (trừ yêu cầu tự động tăng) Thì sẽ không thể thiết lập thành công khóa ngoài, Sẽ có	phần dưới dòng idNhacsi -> chọn Add colum hoặc nhấn Ctrl+Insert. - Nhập tên: tenBannhac. **2. Khai báo các trường là khóa ngoài** Các trường là khóa ngoài của bảng là các trường tham chiếu đến một trường khóa chính của một bảgn khác vì vậy cần được khai báo giá trị mặc định phù hợp với giá trị tương ứng của khóa chính. **3. Khai báo các trường khóa** **a. Khai báo khóa chính: idBannhac** - Nháy nút phải chuột vào ô idBannhac, chọn Create new index, chọn PRIMARY. **b. Khai báo khóa chống trùng lặp** Cặp (tenBannhac, idNhacsi) không được trùng lặp giá trị Nên phải khai báo khóa cấm trùng lặp. **c. Khai báo các khóa ngoài** - Để khai báo khóa ngoài

thông báo chỉ rõ lỗi này khi đó phải xem xét kỹ khai báo lại kiểu dữ liệu của idNhacsi **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	idNhacsi, chọn thẻ Foreign Key. - Nháy chuột vao2o6 dưới Columns và chọn trường khóa ngoài là idNhacsi rồi chọn OK. - Nháy chuột vào ô phía dưới Refenrence table để chọn bảng tham chiếu là nhacsi và chọn OK. - Chọn trường tham chiếu trong bảng nhacsi.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 99 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 99 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH CẬP NHẬT VÀ TRUY XUẤT DỮ LIỆU CÁC BẢNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách cập nhật và truy xuất cơ sở dữ liệu

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hành được các nhiệm vụ của GV đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Cập nhật bài truy xuất dữ liệu là hai công việc chính khi làm việc có một cơ sở dữ liệu. HeidiSQL Hỗ trợ việc thực hiện các công việc đó như thế nào với những bản đơn giản không có khóa ngoài? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 21*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Cập nhật bản nhacsi

a) Mục tiêu: Biết được chức năng của lệnh lặp for và cách dùng trong Python.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thao tác thực hành để các nhóm thực hiện theo. - GV kiểm tra về chắc chắn trên tất cả máy của HS đã có CSDL mymusic và bảng Nhạc snhacsi. Nếu chưa có yêu cầu học sinh tạo lập. - Nội dung khai báo bảng, các trường của bảng và khai báo khóa chính đã được thực hiện ở bài trước. GV gọi 1 HS thao tác lại: khai báo bảng bannhac, các trường và khóa chính. - GV theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh thao tác của các HS.	**Cập nhật bản nhacsi** **1. Thêm mới dữ liệu vào bảng nhacsi** - Để thêm mới một hàng dữ liệu mới có thể nhấn phím Insert hoặc chọn biểu tượng cộng (+) hay nháy nút phải chuột lên vùng dữ liệu của bảng và chọn chèn hàng. Một hàng dữ liệu rỗng sẽ xuất hiện. Tiếp theo nháy đúp chuột vào từng ô trên hàng đó để nhập dữ liệu tương ứng cho từng

- GV thực hành, quan sát HS thực hiện và hướng dẫn kịp thời. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời các câu sau: *+ Vì sao người ta thường sử dụng câu truy vấn SQL* *+ Vì sao việc sắp xếp dữ liệu truy xuất theo tên người tiếng Việt có dấu đầy đủ có thể không cho được kết quả như ý muốn ?* - GV lưu ý mục 1: Không cần nhập dữ liệu cho trường idNhacsi do nó đã được khai báo là tự động tăng giá trị. - GV nhấn mạnh: Trong thực tế người ta thường sử dụng câu truy vấn SQL vì nó nhanh chóng và hiệu quả hơn việc bấm chọn trong một giao diện đồ họa nhất là đối với những truy xuất theo những yêu cầu phức tạp. Việc sắp xếp dữ liệu truy xuất theo tên người tiếng Việt có dấu đầy đủ có thể không cho được kết quả như ý muốn về các ký tự tiếng Việt có dấu không được sắp xếp đúng thứ tự trong bảng mã chữ cái quốc tế . **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. - HS thảo luận nhóm **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được	trường . **2. Chỉnh sửa dữ liệu trong bảng nhacsi** - Nháy đúp chuột vào ô dữ liệu cần sửa và nhập lại . **3. Xóa dòng dữ liệu trong bảng nhacsi** - Đánh dấu những dòng muốn chọn: Giữ phím Shift và nháy chuột để chọn những dòng liền nhau hoặc nhấn phím Ctrl và nháy chuột để chọn những dòng tách rời nhau. - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Delete trên bàn phím hoặc chọn biểu tượng dấu X để xóa . Phần mềm sẽ có lời nhắn yêu cầu khẳng định muốn xóa. Nếu chắc chắn muốn xóa nhé chuột chọn OK **4. Truy xuất dữ liệu từ bảng nhacsi** **a. Truy xuất đơn giản** Để xem toàn bộ dữ liệu trong bảng, chỉ cần chọn bảng và thẻ dữ liệu **b. Truy xuất và sắp xếp kết quả theo thứ tự.**

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	Bình thường dữ liệu được kết xuất theo thứ tự tăng dần của trường khóa chính, nhưng nếu muốn kết xuất theo thứ tự giảm dần thì nháy chuột vào ô khóa chính, sau đó hình tam giác màu đen xuất hiện và dữ liệu được kết xuất theo thứ tự giảm dần . **c. Tìm kiếm** Để lấy ra DS dữ liệu thỏa mãn 1 yc nào đó có thể thực hiện các thao tác tạo bộ lọc: Nháy nút phải chuột vào vùng dữ liệu, Chọn Quick Filter **5. Truy xuất dữ liệu với câu truy vấn SQL** Ngoài việc sử dụng các thao tác qua giao diện trực quan chúng ta có thể nhập câu truy vấn SQL để truy xuất dữ liệu một cách linh hoạt hơn

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 104 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 104 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH CẬP NHẬT BẢNG DỮ LIỆU CÓ THAM CHIẾU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được cách thức nhập dữ liệu đối với các bạn có trường khóa ngoài - trường tham chiếu đến một khóa chính của bảng khác

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh hiểu được cách thức nhập dữ liệu đối với các bạn có trường khóa ngoài - trường tham chiếu đến một khóa chính của bảng khác

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Hiểu được cách thức nhập dữ liệu đối với các bạn có trường phá ngoài - trường tham chiếu đến một khóa chính của bảng khác.

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Khi cập nhật một bạn có phá ngoài dữ liệu của trường hóa ngoài phải là dữ liệu tham chiếu đến một trường khóa chính của một bảng tham chiếu.*

  HeidiSQL Hỗ trợ kiểm tra điều này như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 22

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Cập nhật bảng bannhac

a) Mục tiêu: Biết và thực hành giải các bài toán sử dụng lệnh lặp while với số lần không biết trước.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thao tác thực hành để các nhóm thực hiện theo. - GV kiểm tra về chắc chắn trên tất cả máy của HS đã có CSDL mymusic và bảng nhacsi, bannhac. Nếu chưa có yêu cầu học sinh tạo lập. - Nội dung khai báo bảng, các trường của bảng	**1. Thêm mới dữ liệu vào bảng bannhac** - Chọn Bảng bannhac, Nháy chuột chọn thẻ dữ liệu, tuy nhiên các trường vẫn chưa có dữ liệu. - Nhập dữ liệu . - Trường idNhacsi Là trường phá

và khai báo khóa chính đã được thực hiện ở bài trước. - GV theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh thao tác của các HS. - GV thực hành, quan sát HS thực hiện và hướng dẫn kịp thời. - GV cần nhấn mạnh giải pháp đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu của HeidiSQL là: + Hỗ trợ nhập dữ liệu trường hóa ngoài idNhacsi của bannhac Theo tham chiếu đến khóa chính idNhacsi của bảng nhacsi. + Ngăn chặn xóa dữ liệu ở bảng nhacsi khi giá trị của idNhacsi đã có trong bảng bannhac **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	ngoài đã được khai báo tham chiếu đến trường idNhacsi của bảng nhacsi, Vì vậy để đảm bảo tính nhất quán giá trị hợp lệ chỉ có thể lấy từ các giá trị của idNhacsi trong bảng nhacsi. Nháy Đúp chuột vào ô nhập idNhacsi và chọn tên nhạc sĩ trong một danh sách. **1. Thêm mới dữ liệu vào bảng bannhac** - Chọn Bảng bannhac, Nháy chuột chọn thẻ dữ liệu, tuy nhiên các trường vẫn chưa có dữ liệu. - Nhập dữ liệu . **2. Sửa chữa, cập nhật dữ liệu trong bảng bannhac** - Nháy đúp chuột vào ô dữ liệu muốn sửa **3. Xóa dữ liệu trong bảng bannhac** Tương tự bài 21 **4. Xóa dữ liệu trong bảng nhacsi** Hai quản trị cơ sở dữ liệu chỉ có thể ngăn chặn được các lỗi theo logic đã được khai báo nó không thể ngăn chặn được các lỗi

	không liên quan đến logic nào **5. Truy xuất dữ liệu trong bảng bannhac** Tương tự truy xuất dữ liệu ở bảng nhacsi ở bài 21

Hoạt động 2.2: Hãy tìm hiểu một chức năng của phần mềm ứng dụng quản lý dữ liệu âm nhạc qua giao diện ở hình 22.7 , so sánh với những kiến thức vừa được học trong bài thực hành và cho nhận xét so sánh

a) Mục tiêu: Hiểu được cách thức nhập dữ liệu đối với các bạn có trường phá ngoài - trường tham chiếu đến một khóa chính của bảng khác

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ dẫn học sinh đọc phần giới thiệu về một phần mềm ứng dụng quản lý dữ liệu Âm Nhạc. Phần mềm này cũng giống như HeidiSQL, Hoạt động như một chương trình khách của My SQL nhưng được thiết kế chuyên biệt cho bài toán quản lý dữ liệu âm nhạc. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm. - HS đại diện nhóm trình bày ý kiến của mình **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	**2. Ứng dụng quản lý dữ liệu âm nhạc qua giao diện ở hình 22.7** - Ứng dụng quản lý dữ liệu Âm Nhạc nói trên là một ứng dụng được thiết kế chuyên biệt cho bài toán quản lý dữ liệu Âm Nhạc, Giao diện được thiết kế hướng vào những nghiệp vụ mà người quản lý thường phải làm hàng ngày. Tất cả các chức năng nhập mới, sửa chữa, xóa, tìm kiếm được tích hợp vào một giao diện .

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 108 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 108 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

+ Giao diện của phần mềm có dễ sử dụng không? Có hướng vào nghiệp vụ hàng ngày của người quản lý website âm nhạc không?
+ Giao diện của phần mềm có hỗ trợ nhập dữ liệu vào trường khóa ngoài theo tham chiếu đến bảng nhacsi không?
+ Người sử dụng phần mềm có cần biết đến cấu trúc của các bảng dữ liệu không?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH TRUY XUẤT DỮ LIỆU QUA LIÊN KẾT CÁC BẢNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được cách thức truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Các bạn có thể có quan hệ với nhau thể hiện qua khóa ngoài. Nhờ vậy có thể truy xuất dữ liệu từ các bạn khác theo mối quan hệ. Việc này sẽ được thực hiện cụ thể như thế nào trong giao diện của Một hệ quản trị cơ sở dữ liệu? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 23

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Lập danh sách các bản nhạc với tên bản nhạc và tên tác giả

a) Mục tiêu: Hiểu được cách thức truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gợi ý: Bảng bannhac (idBannhac, tenBannhac, idNhacsi) có khóa ngoài idNhacsi tham chiếu đến idNhacsi trong bảng nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi) . - GV yêu cầu HS đọc thông tin NV1 sgk trình bày *cấu trúc truy vấn hai bảng qua liên kết hóa câu truy vấn SQL với mệnh đề JOIN* - GV hướng dẫn HS truy vấn hai bảng qua liên kết hóa câu truy vấn SQL với mệnh đề JOIN ở bảng tenBannhac, tenNhacsi. - GV yêu cầu HS tiếp tục đọc thầm thông tin	**1. Lập danh sách các bản nhạc với tên bản nhạc và tên tác giả** - Để truy vấn hai bảng qua liên kết hóa câu truy vấn SQL với mệnh đề JOIN có cấu trúc như sau: SELECT DS_tên_trường_2_bảng FROM tên_bảng_a INNER JOIN tên_bảng_b ON tên_bảng_a.tên_trường_a

NV1 trả lời câu hỏi sau: *HeidiSQL có hỗ trợ người dùng khi nhập các câu truy vấn theo phương thức nào?* - GV thao tác thực hành và yêu cầu HS chia nhóm thực hành theo nội dung NV1 SGK **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. - HS nghe giảng, thảo luận nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	= tên_bảng_b.tên_trường_b [WHERE …] [ORDER BY …];

Hoạt động 2.2: Lập danh sách các bản thu âm với đủ các thông tin idBanthuam, tenBannhac, tenCasi

a) Mục tiêu: Hiểu được cách thức truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và nêu cấu trúc để truy vấn được nhiều hơn hai bảng theo liên kết khóa ngoài. - GV hướng dẫn HS truy vấn 3 bảng theo liên	**2. Lập danh sách các bản thu âm với đủ các thông tin idBanthuam, tenBannhac, tenCasi** - Để truy vấn được nhiều hơn hai bảng theo liên kết khóa ngoài,

kết hóa câu truy vấn SQL với mệnh đề JOIN ở bảng banthuam, bannhac, casi **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV trình bày. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	hãy lặp lại mệnh đề JOIN trong câu truy vấn SQL theo cấu trúc như sau: SELECT DS_tên_trường_3_bảng FROM tên_bảng_a INNER JOIN tên_bảng_b ON tên_bảng_a.tên_trường_a = tên_bảng_b.tên_trường_b INNER JOIN tên_bảng_c ON tên_bảng_x.tên_trường_x = tên_bảng_c.tên_trường_c [WHERE …] [ORDER BY …]; trong đó tên_bảng_x.tên_trường_x là tên trường của bảng a hay bảng b

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu một chức năng của ứng dụng quản lý dữ liệu Âm Nhạc

a) Mục tiêu: Hiểu được cách thức truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**3. Tìm hiểu một chức năng của**

- GV Yêu cầu HS đọc thông tin ở nhiệm vụ 3 phần giới thiệu về phần mềm ứng dụng quản lý dữ liệu Âm Nhạc. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi của GV. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, lưu ý HS một số điểm cần chú ý.	**ứng dụng quản lý dữ liệu Âm Nhạc** Giao diện quản lý danh sách các bản thu âm khác ở chỗ khi nhập bản thu âm chỉ có thể chọn tên bản nhạc, tên ca sĩ từ hộp danh sách với những tên đã có trong cơ sở dữ liệu. Danh sách các bảng thu âm có đầy đủ các thông tin tường minh tên bản nhạc, tên nhạc sĩ và tên ca sĩ thể hiện.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 112 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 112 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

+ Giao diện của phần mềm có dễ sử dụng không? Có hướng vào nghiệp vụ hàng ngày của người quản lý website âm nhạc không?
+ Giao diện của phần mềm có hỗ trợ nhập dữ liệu vào trường khóa ngoài theo tham chiếu đến bảng nhacsi không?
+ Người sử dụng phần mềm có cần biết đến cấu trúc của các bảng dữ liệu không?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH SAO LƯU DỮ LIỆU

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: ……tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Nắm được các thao tác sao lưu và phục hồi dữ liệu.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Như đã biết để tổ chức đảm bảo an toàn cho sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý của một tổ chức, cần xây dựng chính sách an toàn dữ liệu với những kế hoạch về tất cả các phương án sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục. Chính sách an toàn dữ liệu cũng phải bao gồm những quy định về ý thức trách nhiệm đối với những người vận hành hệ thống. Về giải phóng phần mềm, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu đều có chức năng hỗ trợ sao lưu dữ liệu dự phòng một cách thường xuyên theo quy định và phục hồi dữ liệu khi có sự cố. Có thể khai thác sử dụng nhóm chức năng này như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 24*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Thực hành sao lưu cơ sở dữ liệu

a) Mục tiêu: Nắm được các thao tác sao lưu dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tham khảo sgk trả lời câu hỏi sau: Trình bày các bước sao lưu CSDL - GV chia lớp thành 4 nhóm, sau đó các nhóm thực hành theo hướng dẫn của GV. - GV thực hành từng bước để HS quan sát và nắm rõ. - GV quan sát và hỗ trợ khi các nhóm cần giúp	**1.Thực hành sao lưu cơ sở dữ liệu** - Nháy chuột chọn thẻ các công cụ, chọn suất cơ sở dữ liệu dưới dạng SQL: + Nháy chuột để đánh dấu vào cơ sở dữ liệu mymusic Ở phía trái và đánh dấu vào các ô Drop.

đỡ. - GV trình bày lưu ý: Cũng có thể thực hiện sao lưu một phần cơ sở dữ liệu bằng cách chỉ chọn những bảng muốn sao lưu **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	+ Ở dòng data chọn Delete + insert để khi phục hồi thì xóa dữ liệu cũ đi trước khi chèn vào dữ liệu đã sao lưu. - Chọn kiểu output là một tệp các câu truy vấn SQL. - Chọn Export để thực hiện sao lưu. - Sao chép và lưu lại tệp _mymusic.sql

Hoạt động 2.2: Thực hành phục hồi cơ sở dữ liệu

a) Mục tiêu: Nắm được các thao tác phục hồi dữ liệu.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tham khảo sgk trả lời câu hỏi sau: Trình bày các bước phục hồi CSDL. - GV chia lớp thành 4 nhóm, sau đó các nhóm thực hành theo hướng dẫn của GV. - GV thực hành từng bước để HS quan sát và nắm rõ. - GV quan sát và hỗ trợ khi các nhóm cần giúp	**2. Thực hành phục hồi cơ sở dữ liệu** - Nháy chuột chọn thẻ tập tin chọn Load SQL file … (hoặc nhấn Ctrl + O). - Chọn tệp đã sao lưu là _mymusic.sql. Nháy chuột chọn Open. Nội dung tệp mymusic_data sẽ được tải vào

đỡ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe GV trình bày. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	cửa sổ truy vấn. - Nháy chuột chọn mũi tên để thực hiện truy vấn. Sau đó nhấn F5 để làm tươi lại danh sách cơ sở dữ liệu.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 115 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 115 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

CHỦ ĐỀ 7: PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH VÀ LÀM VIDEO

TÊN BÀI DẠY: PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Làm quen với phần mềm chỉnh sửa ảnh.
- Thực hiện một số thao tác cơ bản với ảnh: Phóng to, thu nhỏ, xoay, cắt ảnh.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát Một số ảnh trước và sau khi chỉnh sửa: Ví dụ ảnh sau khi chỉnh sửa sáng hơn, thêm người vào ảnh, sửa mắt bị nhắm….
- GV đặt câu hỏi: Nhận xét về các hình sau chỉnh sửa? Kính của bạn có thể tạo ra hình ảnh dưới mục đích xấu không?
- HS tiếp nhận câu hỏi, xung phong đứng dậy trả lời.
- Từ câu trả lời của HS, GV nhận định: Vậy có phần mềm chỉnh sửa ảnh nào? Chúng ta cùng đến với bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Giới thiệu ảnh số

a) Mục tiêu: Biết về điểm ảnh, Giới thiệu cho học sinh về kích thước ảnh thông qua số lượng điểm ảnh

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem hoạt động 1, sau đó trả lời câu hỏi: *Megapixel là gì mà có ý nghĩa như thế nào với máy ảnh?*	**1. Giới thiệu ảnh số** - Ảnh số được xác định bởi tập hợp các điểm ảnh, mỗi điểm ảnh có một bộ giá trị thể hiện màu

- GV nhấn mạnh: Megapixel chỉ số lượng điểm ảnh trên ảnh. Số Megapixel càng lớn thì ảnh càng nét - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi cần. - GV đưa ra bài tập áp dụng: Một ảnh có kích thước 600 x 600 pixel nếu in với độ phân giải 100 dpi có kích thước gấp mấy lần ảnh đó im với độ phân giải 200 dpi? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	sắc và cường độ - Độ phân giải của ảnh thường được xác định bằng số điểm ảnh trên 1 inch, độ phân giải càng cao thì ảnh càng rõ nét.

Hoạt động 2.2: Phần mềm chỉnh sửa ảnh

a) Mục tiêu: Biết và thực hiện được lệnh for để xử lí xâu kí tự.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem hoạt động 2 sgk/117 hỏi:	**2. Phần mềm chỉnh sửa ảnh** - Thông tin ảnh bitmap được

Em có biết Minh có thể dùng phần mềm nào để thực hiện việc đó không. - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau: + *Phần mềm chỉnh sửa hình ảnh cho các người dùng có thể làm được những gì?* + *Tệp tin chính của GIMP là gì?* - GV chiếu màn hình làm việc của GIMP như hình 25.2 (chế độ một cửa sổ). Sau đó, giáo viên giới thiệu thao tác để chuyển từ chế độ nhiều cửa sổ sang chế độ một cửa sổ. - Trên giao diện GIMP, GV giới thiệu Thanh bảng chọn, bảng công cụ, hộp tùy chọn công cụ, vùng hiển thị ảnh, các hộp chức năng để học sinh nắm rõ. - GV Yêu cầu học sinh lên xác định từng thành phần trên giao diện GIMP - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập. - GV lắng nghe, ghi nhận kết quả, chốt kiến thức, chuyển sang nội dung mới. - Nhớ khi yêu cầu học sinh đọc thông tin ở hộp 2B và để trả lời các câu hỏi sau: *+ Cho biết lệnh để mở tệp ảnh trong GIMP.* *+ Nút lệnh Zoom, Crop, Rotate có ý nghĩa gì?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	biểu thị bằng các điểm ảnh, mỗi điểm ảnh tương ứng với một vị trí trên ảnh với màu sắc xác định. - GIMP là phần mềm chỉnh sửa ảnh biết bitmap miễn phí . - Giao diện GIMP gồm Thanh bảng chọn, bảng công cụ, hộp tùy chọn công cụ, vùng hiển thị ảnh, các hộp chức năng. - Một số thao tác cơ bản của phần mềm GIMP: Phóng to hay thu nhỏ ảnh, cắt ảnh, xoay ảnh .

- HS lắng nghe GV trình bày. - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 118, 119, 120, 121 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 121 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 121 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

NV1: Mở tệp, quan sát, phóng to thu nhỏ ảnh trên màn hình.

NV2: Thay đổi kích thước và độ phân giải của ảnh.

NV3: Thực hiện xoay ảnh, cắt ảnh, xuất ra tệp tin ảnh JPG

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1. Ảnh số là gì ? Ảnh bitmap là gì? Trình bày các định dạng khác nhau của ảnh bitmap

2. Độ phân giải là gì? Số lượng điện ảnh là gì?

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm, hoàn thành bài tập sau:

1. Để xử lý một ảnh thiếu ánh sáng em sử dụng những phần mềm nào sau đây?

A. GIMP
B. Inkscape
C. PowerPoint

2. Để thay đổi giao diện Hiển thị một cửa sổ của phần mềm GIMP, em thực hiện như thế nào?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: CÔNG CỤ TINH CHỈNH MÀU SẮC VÀ CÔNG CỤ CHỌN Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết các tham số biểu diễn màu của ảnh số.
- Biết một số công cụ chọn đơn giản.
- Thực hiện được một số lệnh chỉnh màu đơn giản

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các yêu cầu của GV đưa ra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Khi em đi in ảnh, nhiều khi ảnh nhận được trông rất xỉn mù, khác xa với tấm hình mà em đã chọn. Có bao giờ em thắc mắc Và hỏi cửa hàng tại sao? Để trả lời được những câu hỏi đó, chúng ta cùng đến với bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Công cụ tinh chỉnh màu sắc

a) Mục tiêu: Biết các tham số biểu diễn màu của ảnh số. Biết một số công cụ chọn đơn giản.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc hoạt động 1 và trả lời câu hỏi sau: *theo em bức ảnh này gặp vấn đề gì ? Cần làm gì để ảnh đẹp hơn ?* - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thảo luận các nội dung sau: + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu công cụ chỉnh độ sáng và độ tương phản, công cụ cân bằng màu.	**1. Công cụ tinh chỉnh màu sắc** - GIMP Cung cấp một số công cụ tinh chỉnh màu sắc cho ảnh số. Các lệnh chỉnh màu sắc nằm trong khoảng chọn color gồm: + Công cụ chỉnh độ sáng và độ tương phản. + Công cụ cân bằng màu.

+ Nhóm 3,4: Tìm hiểu công cụ chỉnh màu sắc. - GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. - GV lưu ý với HS: Nháy chọn vào ô Preview để xem chút kết quả khi chỉnh xong mà chưa thấy phù hợp thì quay lại bước trước đó. Khi chỉnh màu sắc nên chú ý để màu sắc cân bằng, tránh chỉnh quá đà làm bức ảnh trong bị giả. - GV mở rộng vấn đề bằng câu hỏi sau: Nếu em muốn làm màu của các bông hoa thược dược đỏ hơn thì dùng công cụ gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. - HS các nhóm thực hiện thảo luận. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	+ Công cụ chỉnh màu sắc.

Hoạt động 2.2: Vai trò, ý nghĩa và cách thiết lập vùng chọn

a) Mục tiêu: Biết một số công cụ chọn đơn giản.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận nhóm

c) Sản phẩm: Kết quả thảo luận của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV Yêu cầu HS đọc hoạt động 2 và trả lời câu hỏi: *Với bức ảnh quả táo màu đỏ hình 26.3a em có nghĩ ra cách chỉnh màu trên toàn bộ ảnh để thu được trái táo gồm hai nửa với màu sắc khác nhau như hình 26.3b hay không?*

- GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thảo luận hoàn thành bảng sau:

Công cụ	Chức năng
Rectangle Select Tool	
Ellipse Select Tool	
Free Select Tool	

- GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình.

- GV trình bày ý nghĩa của tổ hợp phím Alt+Ctrl và Alt+Shift.

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi sau: *Nếu ảnh có hình một chiếc đĩa hình tròn, em dùng công cụ nào để chọn chiếc đĩa đó? Phím tắt công cụ đó là gì ?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe GV trình bày.

- HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

2. Vai trò, ý nghĩa và cách thiết lập vùng chọn

- Vùng chọn giúp em chỉnh sửa trong từng phần của ảnh.

Ba công cụ thường được dùng để tạo vùng chọn như sau:

Công cụ	Chức năng
Rectangle Select Tool	Tạo một vùng chọn hình chữ nhật. Phím tắt R
Ellipse Select Tool	Tạo một vùng chọn hình tròn hoặc hình Elip. Phím tắt E
Free Select Tool	Tạo một vùng chọn có hình dạng tùy ý

- HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 125, 126, 127 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

  NV1: Chỉnh độ sáng, độ tương phản và màu sắc cho ảnh trong hình 26.4

  NV2: Thực hành tạo vùng chọn và thực hiện các lệnh chỉnh độ sắc nét và cân bằng màu cho vùng đã chọn cho ảnh trong hoạt động 1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 127 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh hình thành nhóm, thảo luận, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 127 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: CÔNG CỤ VẼ VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết được khái niệm lớp ảnh.
- Biết một số công cụ vẽ đơn giản.
- Thực hiện được một số ứng dụng để tẩy làm sạch và xóa các vết xước trên ảnh

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành tính kiên trì, tỉ mỉ, thẩm mỹ tốt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: *Khi chỉnh sửa ảnh em muốn thực hiện những việc gì? Em đã dùng những phần mềm chỉnh sửa ảnh nào? Chúng ta cùng đến với bài học hôm nay.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Giới thiệu về lớp ảnh

a) Mục tiêu: Biết được khái niệm lớp ảnh.

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS thực hiện hoạt động 1 theo nhóm cặp đôi: Em có biết nền màu xanh để làm gì không?. - GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến. - GV trình bày: Nhờ có phần phông xanh, hình ảnh được tách thành các lớp khác nhau, hình ảnh trên các lớp này được xử lý riêng biệt và tổng hợp lại để thu được hình ảnh như chúng ta xem được trên phim. - GV giới thiệu hộp Layout - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học	**1. Giới thiệu về lớp ảnh** - Mỗi lớp ảnh chứa một số đối tượng của ảnh để có thể xử lý riêng. Thứ tự sắp xếp các lớp quyết định ảnh sản phẩm. - Các tác vụ cơ bản trên lớp như: + Tạo Một lớp mới New Layer. + Xóa lớp được chọn Delete Layer + Tạo bản sao của lớp được chọn Duplicate Layer. + Gộp lớp Merge Down - Tác vụ này được đề cập kĩ hơn trong bài

tập. - GV nhấn mạnh các tác vụ cơ bản trên lớp để HS nắm rõ. - GV trình bày lưu ý: + Các lớp không có hình con mắt sẽ không được hiển thị trong vùng hiển thị ở giữa màn hình. + Lớp đang chỉnh sửa là lớp được đánh dấu xanh trong hộp thoại layer. Các tác động chỉnh sửa chỉ tác động lên lớp này, không tác động lên lớp khác. Nếu lớp này nằm ở phía dưới chúng ta cần đảm bảo hiển thị đúng lớp để có thể nhìn rõ tác động của các thao tác chỉnh sửa mà mình đang thực hiện. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	sau. - Cần thực hiện chỉnh sửa trên bảng sau của lớp cần chỉnh sửa

Hoạt động 2.2: Giới thiệu một số công cụ vẽ

a) Mục tiêu: Biết một số công cụ vẽ đơn giản.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đề cập hu cầu chỉnh sửa ảnh cụ thể là vẽ thêm vào ảnh khi chưa có phần mềm chỉnh sửa ảnh hiệu quả như hiện nay. - GV Giới thiệu ảnh trong hoạt động 2 và đưa ra câu hỏi: *Em có thể xác định được tác giả đã phải vẽ thêm những gì để thu được tấm hình này không?* - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV kết luận: Nhu cầu vẽ thêm lên ảnh xuất hiện từ khi bắt đầu có ảnh chụp, với các phần mềm chỉnh sửa ảnh như ngày nay ta không chỉ vẽ thêm mà còn các bước hay chỉnh sửa các chi tiết trên ảnh. - GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 2 và trả lời các câu hỏi sau: *+ Các công cụ vẽ trong GIMP được cung cấp trong bảng chọn nào?* *+ Công cụ vẽ gồm mấy nhóm chính ?* - GV yêu cầu HS quan sát bảng 27.1, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập. - GV chuẩn hóa kiến thức lại bằng bảng 27.1 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV trình bày.	**2. Giới thiệu một số công cụ vẽ** - Các công của vẽ là phương tiện để chúng ta vẽ thêm chi tiết Vật Loại bỏ các được điểm trên ảnh. - Các công cụ vẽ trong GIMP được cung cấp trong bảng chọn Tools -> Paint Tools. - Công cụ vẽ gồm 3 nhóm chính: vẽ thêm, tẩy và vẽ bằng vùng chọn

- HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chốt lại nội dung.	

Hoạt động 2.3: Thiết lập màu sắc

a) Mục tiêu: Viết về khái niệm màu nền và màu nổi

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc nội dung hoạt động 3: Nêu câu hỏi về màu dùng để viết trên bảng và viết trong vở. - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV kết luận. - GV giới thiệu: Ngoài 3 cân màu cơ bản R, G và B giá trị màu sắc của các điểm ảnh còn có một kênh nữa là kênh Alpha. - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 3, thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau: + Trình bày sự khác nhau khi lớp ảnh có kênh Alpha và không có kênh Alpha. + Có thể thêm kênh Alpha bằng cách nào?	**3. Thiết lập màu sắc** - Màu nổi (foreground) là màu mặc định dùng khi vẽ thêm. - Màu nền (background) là màu dùng để tô các điểm được tẩy trên lớp không có kênh Alpha. Nếu có kênh Alpha thì sau khi tẩy, điểm ảnh không có màu, nói cách khác là điểm ảnh trong suốt

+ Thế nào là màu nổi, màu nền? - HS thảo luận và phát biểu ý kiến. - GV chuẩn hóa kiến thức **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV trình bày. - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chốt lại nội dung.	

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 130, 131, 132 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

  NV1: Xóa đoạn chi tiết thừa bằng công cụ Clone và Healing

  NV2: Thay nền trời trong ảnh cánh đồng hoa.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 132 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 132 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1. Lớp ảnh đóng vai trò như thế nào trong chỉnh sửa ảnh?

2. Trình bày các tác vụ cơ bản trên lớp ảnh.

3. Trong hình 27.2 lớp nào được hiển thị, lớp nào không?

Nhiệm vụ 2: Hoàn thành bài tập sau:

1. Điền từ còn thiếu để có được bảng hoàn chỉnh

Công cụ	Chức năng
Paint Brush	
	Tô màu vùng chọn
	Tô màu chuyển sắc vùng chọn
Eraser	
	Vẽ bằng cách sao chép chính xác một vùng chọn
Healing	

2. Nêu sự khác nhau giữa hai công cụ Clone và Healing

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: TẠO ẢNH ĐỘNG

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Thực hiện được các thao tác tạo ảnh động từ mô hình lớp ảnh.

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Sáng tạo, linh hoạt, trí tưởng tượng phong phú

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi: Em đã từng nhìn thấy hình ảnh chuyển động nhưng không phải là một đoạn phim chưa? Nếu đã thấy em gặp ở đâu?
- HS tiếp nhận câu hỏi, xung phong đứng dậy trả lời.
- GV dẫn dắt vào bài mới

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Các thao tác xử lý trên lớp ảnh

a) Mục tiêu: Thực hiện được các thao tác tạo ảnh động từ mô hình lớp ảnh

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thông tin ở mục 1, thảo luận theo nhóm cặp đôi, trả lời các câu sau: *+ GIMP có hỗ trợ tạo ảnh gif không?* *+ Để làm một tệp tin ảnh động ta cần những gì?* *+ Kể tên các thao tác xử lý ảnh thường được thực hiện.* - GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. - GV trình bày và giải thích từng thao tác trên lớp cho HS hiểu. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành	**1. Các thao tác xử lý trên lớp ảnh** - Các thao tác xử lý lớp ảnh thường được thực hiện là: + Mở một hay nhiều tệp làm lớp ảnh mới. + Khóa lớp. + Gom cụm. + Gộp lớp.

nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	

Hoạt động 2.2: Thiết lập ảnh động từ lớp ảnh

a) Mục tiêu: Thực hiện được các thao tác tạo ảnh động từ mô hình lớp ảnh.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS thực hiện hoạt động 1, sau đó cử đại diện 1 HS đứng lên trả lời. - GV chia nhóm để các nhóm tìm hiểu về mục 2 sgk/134, 135 trả lời câu hỏi: *+ Để bắt đầu tạo ảnh động, chúng ta làm như thế nào?* *+ Trình bày thao tác Thiết lập thời gian xuất hiện cho mỗi khung hình* *+ Đề xuất ra tệp ảnh động, chúng ta cần chọn lệnh gì?*	**2. Thiết lập ảnh động từ lớp ảnh** - Để bắt đầu tạo ảnh động bằng lệnh: File -> Open as Layers. - Có thể thiết lập thời gian xuất hiện trong mỗi khung hình bằng cách thêm vào phía sau tên lớp tương ứng cụm"(Xms)" - Để xuất ra tệp ảnh động chọn: File -> Export As và gõ tên tệp với phần mở rộng là gif rồi nháy nút export.

+ Để thêm hiệu ứng cho ảnh , chúng ta thao tác như thế nào - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe GV trình bày. - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả thực hiện **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, nhắc nhở một số lỗi HS còn mắc phải, GV chốt lại nội dung.	- GIMP còn cung cấp một số hiệu ứng để làm ảnh sinh động hơn

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 135, 136 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

  NV1: Tạo hình tròn mặt khác nét như hình 28.5

  NV2: Tạo ảnh động biểu tượng chờ dùng hình trong nhiệm vụ 1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 136 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 136 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ 1: Em đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi sau:

Giả sử em đang làm việc với bốn lớp ảnh như hình 28.2, Lớp nào có thể thực hiện được lệnh Merge Down? Vì sao các lớp còn lại không thực hiện được?

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi sau

Nếu em tạo ảnh động với các lớp như hình 28.4 và giá trị Delay between frames where unspecifiel là 2000 thì thời gian xuất hiện của mỗi khung hình bao lâu?

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: KHÁM PHÁ PHẦN MỀM LÀM PHIM

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Tạo được cái đoạn phim, nhập tư liệu từ ảnh và video có sẵn, biên tập được đoạn phim phục vụ học tập và giải trí,

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học: Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, năng động, chịu khó tìm tòi, sáng tạo vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nâu vấn đề: Bạn Nam là một đoạn phim để kể lại những điều thú vị diễn ra trong kỳ nghỉ hè của mình. Tư liệu được sử dụng trong đoạn phim là các ảnh video và Nam đã chụp và quay trong kỳ nghỉ ấy. Em có mong muốn là một đoạn phim như vậy không? Vậy chúng ta cùng khám phá phần mềm làm phim nhé.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Khám phá phần mềm làm phim

a) Mục tiêu: Biết và trình bày được ý nghĩa của phạm vi hoạt động của biến trong hàm

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS Đọc thông tin ở mục 1 và trả lời các câu hỏi sau: + Trình bày các tính năng của phần mềm làm phim + Bố cục các thành phần của giao diện vào phần mềm làm phim gồm những gì? - GV gọi đại diện 3 HS trình bày ý kiến của mình. - GV kết luận. - GV mở giao diện chung của phần mềm làm	**1. Khám phá phần mềm làm phim** - Có thể tạo ra các đoạn phim bằng cách sử dụng phần mềm làm phim. - Phần mềm làm phim có các tính năng giúp sắp xếp các tư liệu (ảnh, video clip, âm thanh) theo một trình tự thời lượng nhất định tạo thành chuỗi các phân cảnh để làm thành một đoạn phim hoàn chỉnh.

phim và trình bày các thành phần chính để học sinh nắm rõ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung mới.	- Giao diện chung của một phần mềm làm phim thường có bố cục với các thành phần như sau: + Thanh công cụ + Ngăn tư liệu + Ngăn xem trước + Con trỏ + Ngăn tiến trình

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 139, 140, 141, 142 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

  NV1: Chuẩn bị tư liệu và kịch bản phim

  NV2: Tạo đoạn phim từ tư liệu đã chuẩn bị

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 140 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 140 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: BIÊN TẬP PHIM

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được một số công cụ cơ bản biên tập phim: Chỉnh sửa hình ảnh, âm thanh, tạo phụ đề, Tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, căn chỉnh thời gian

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Một chương trình hoàn chỉnh được mô tả như Hình 29.1: Tiếp nhận các dữ liệu đầu vào, xử lí theo yêu cầu bài toán và đưa ra kết quả đúng theo yêu cầu.
- GV đặt câu hỏi: Theo em, nếu chương trình có lỗi thì các lỗi này sẽ như thế nào và có thể ở đâu?
- HS tiếp nhận câu hỏi, xung phong đứng dậy trả lời.
- Từ câu trả lời của HS, GV nhận định: Để biết đượccác lỗi này sẽ như thế nào và có thể ở đâu? Chúng ta cùng đến với bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Biên tập phim

a) Mục tiêu: Sử dụng được một số công cụ cơ bản biên tập phim: Chỉnh sửa hình ảnh, âm thanh, tạo phụ đề, Tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, căn chỉnh thời gian

b) Nội dung: Giáo viên giảng giải, học sinh lắng nghe, thảo luận và trả lời

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia cả lớp thành 4 nhóm tìm hiểu các công cụ tính năng biên tập của phần mềm làm phim + Nhóm 1, 2: Chỉnh sửa hình ảnh, chỉnh sửa âm thanh + Nhóm 3, 4: Tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, căn	**1. Biên tập phim** - Để đoạn phim trở nên chuyên nghiệp, hấp dẫn phần mềm làm phim cung cấp các công cụ chỉnh sửa cơ bản như chỉnh sửa hình ảnh âm thanh Tạo các hiệu ứng chuyển cảnh căn chỉnh thời gian

chỉnh thời gian, tạo phụ đề - HS thực hiện hoạt động theo nhóm. - GV gọi đại diện các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. - GV trình bày và giải thích các công cụ tính năng biên tập của phần mềm làm phim - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ ?1 sgk/144. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nắm rõ yêu cầu, thực hiện theo các bước GV hướng dẫn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày kết quả mình đã thực hiện được **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuyển sang nội dung thực hành mới.	và tạo phụ đề.

Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học thông qua thực hành

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập, học sinh thảo luận nhóm và hoàn thành thực hành

c) Sản phẩm: Bài thực hành của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ thực hành trang 144, 145, 146, 147 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cách làm

NV chung: Biên tập đọc thêm đã thực hiện ở phần thực hành bài 30

NV1: Chỉnh sửa ảnh

NV2: Chỉnh sửa âm thanh

NV3: Tạo hiệu ứng chuyển cảnh

NV4: Căn chỉnh thời gian và phong cảnh trong phim

NV5: Tạo phụ đề để chú thích cho các ảnh trong đoạn phim

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả thực hành theo nhóm GV đã phân công

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả thực hiện của HS, GV chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 147 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 147 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường THPT Họ và tên giáo viên:

Tổ: Toán - Tin học

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH TẠO PHIM HOẠT HÌNH

Môn: Tin học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: …… tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh ,có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề

2. Năng lực tin học

2.1 Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- Năng lực hợp tác và giao tiếp: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh thực hành được các nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra.

2.2 Năng lực tin học:

Hình thành, phát triển chủ yếu các năng lực:

- *NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.*
- *NLe: Hợp tác trong môi trường số.*

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển phẩm chất: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học

b) Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, HS lắng nghe và trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Để tăng thêm tính hết giận của đoạn phim mùa hè đáng nhớ, Nam đã bổ sung một đoạn phim hoạt hình vào đầu đoạn phim đó như hình 31.1. Làm thế nào để thực hiện được lậu phim hoạt hình có hội thoại giữa các nhân vật và phụ đề như hình 31.1?

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Xây dựng kịch bản, chuẩn bị tư liệu

a) Mục tiêu: Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh ,có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Phần bài thực hành học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV dẫn dắt: Để tạo được một đoạn phim hoạt hình em cần xây dựng kịch bản cho đoạn phim đó. - GV cho HS Đọc và thảo luận về kịch bản mẫu trong sách giáo khoa. Đây là một gợi ý kịch bản Cho đoạn phim có thể sẽ trở thành đoạn mở đầu của động viên và các em đã hoàn thành ở bài trước. - HS Cần xem kỹ 4 phân cảnh tại hình 31.1 SGK và đọc hiểu bản kịch bản chi tiết bên dưới. Để thực hiện đoạn phim của mình, chúng ta cần phải lập được bản	**1. Xây dựng kịch bản, chuẩn bị tư liệu** - Để tạo được một đoạn phim hoạt hình em cần xây dựng kịch bản cho đoạn phim đó. - Kịch bản phải được xây dựng sao cho khả thi, phù hợp với các tính năng sẵn có của phần mềm làm

kịch bản tương tự như vậy - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, trả lời các câu hỏi sau để xây dựng kịch bản chuẩn bị tư liệu cho đoạn phim của mình + *Suy nghĩ về ý tưởng cho đoạn phim.* + *Xây dựng kịch bản theo mẫu của bảng 31.1.* + *Chuẩn bị các dữ liệu cần thiết theo kịch bản* - GV lưu ý: Số lượng phân cảnh, số lượng tư liệu cũng nên có giới hạn để việc làm thêm dễ dàng và khả thi. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	phim mà em đang sử dụng.

Hoạt động 2.2: Tạo đoạn phim hoạt hình từ các tư liệu về kịch bản

a) Mục tiêu: Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh ,có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Phần bài thực hành học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV Cho HS thực hiện đoạn phim theo đúng kịch bản mà các em đã viết ở nhiệm vụ 1. Đọc kỹ hướng dẫn SGK và làm theo. - Trong quá trình thực hành, GV quan sát, giải đáp thắc mắc. Nếu HS được khó khăn, GV cho HS thảo luận tìm cách khắc phục xử lý trước khi giáo viên giúp học sinh **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	**2. *Tạo đoạn phim hoạt hình từ các tư liệu về kịch bản*** - Khởi động phần mềm làm phim VideoPad - Tạo đoạn phim hoạt hình theo đúng kịch bản mà em đã viết ở nhiệm vụ 1, trong quá trình thực hiện có thể chỉnh sửa lại kịch bản cho phù hợp. - HS thực hành theo nhóm.

Hoạt động 2.3: Bổ sung phụ đề và hội thoại

a) Mục tiêu:

- Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh ,có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề

b) Nội dung: GV giảng giải, HS lắng nghe, thảo luận và trả lời.

c) Sản phẩm: Phần bài thực hành học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc nhở HS kiểm tra kỹ lại đoạn phim trước khi bước sang nhiệm vụ 3 để hạn chế tối đa việc	**2. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet**

quay lại chỉnh sửa kịch bản hay tư liệu đầu vào . - HS Thực hiện từng bước theo hướng dẫn để tạo hội thoại cho các nhân vật. Trước tiên, GV yêu cầu HS thực hiện một lượt toàn bộ Bước 1 với một đoạn hội thoại ngắn để làm quen và nắm được cách sử dụng công cụ. Sao khi thành thạo mới bắt đầu thực hiện đúng kịch bản đã viết. - GV nhắc nhở: Đây là nhiệm vụ đòi hỏi sự cẩn thận và tỉ mỉ. - GV nhắc HS kiểm tra kỹ lượng sản phẩm của Bước 1 trước khi chuyển sang Bước 2. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV phân công. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình. HS khác nhận xét, bổ sung ý cho bạn (nếu thiếu). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuyển sang nội dung mới.	HS thực hành theo nhóm. - Ghi âm lời hội thoại. - Bổ sung phụ đề - Lưu lại dự án và xuất bản phim hoạt hình

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học thông qua làm bài tập

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hành

c) Sản phẩm: Kết quả học sinh thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập luyện tập trang 150 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả nắm bắt kiến thức của HS thông qua các hoạt động luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm, đưa ra kết quả

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS bắt cặp, hoàn thành bài tập vận dụng trang 150 sgk.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hình thành nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS, kết thúc bài học.